



CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

Trangcorporation.vn





MỤC LỤC

	<p style="text-align: center;">PHẦN 1</p> <p style="text-align: center;">THÔNG TIN CHUNG</p> <ol style="list-style-type: none">1. Thông tin khái quát2. Ngành nghề, địa bàn kinh doanh3. Mô hình quản trị, bộ máy quản lý4. Tâm nhìn và sứ mệnh5. Nguồn lực công ty


	<p style="text-align: center;">PHẦN 2</p> <p style="text-align: center;">TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2019</p> <ol style="list-style-type: none">1. Hoạt động sản xuất kinh doanh2. Hoạt động nhân sự3. Hoạt động đầu tư4. Tình hình tài chính5. Cơ cấu cổ đông6. Hoạt động công đoàn, xã hội

	<p style="text-align: center;">PHẦN 3</p> <p style="text-align: center;">BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT, BGD, BKS</p> <ol style="list-style-type: none">1. Báo cáo HĐQT2. Báo cáo BGD3. Báo cáo BKS

	<p style="text-align: center;">PHẦN 4</p> <p style="text-align: center;">KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2019</p>

	<p style="text-align: center;">PHẦN 5</p> <p style="text-align: center;">QUẢN TRỊ CÔNG TY</p> <ol style="list-style-type: none">1. Hội đồng quản trị2. Ban giám đốc3. Ban kiểm soát

	<p style="text-align: center;">PHẦN 6</p> <p style="text-align: center;">BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2019</p>



PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- ✚ Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Trang
- ✚ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303366525
- ✚ Vốn điều lệ: 168.299.940.000 đồng
- ✚ Địa chỉ: Lô A14b Khu Công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TpHCM, Việt Nam.
- ✚ Số điện thoại: (08) 37.800.900
- ✚ Fax: (08) 37.800.735
- ✚ Website: Trangcorporation.vn
- ✚ Mã cổ phiếu: TFC
- ✚ Ngành nghề kinh doanh: Mua bán, sản xuất, chế biến nông lâm thủy hải sản và thực phẩm.



Thông tin thành lập



✚ Công ty cổ phần Trang (TrangCorp) là thành viên của TrangGroup - một tập đoàn đa quốc gia với tiêu chí cung cấp những dịch vụ và mặt hàng về thủy hải sản chế biến chất lượng cao cho thị trường thế giới.

✚ TrangCorp được thành lập vào tháng 07/2004 bởi ông Hồ Văn Trung (hay còn gọi là Trang Hồ) cùng với những cổ đông sáng lập là người thân và bạn bè của ông, đã xây dựng nhà máy sản xuất tại Khu công nghiệp Hiệp Phước, Thành phố Hồ Chí Minh để sản xuất những sản phẩm là thực phẩm đông lạnh từ thủy sản phục vụ thị trường xuất khẩu tại châu Âu, châu Mỹ, châu Úc.

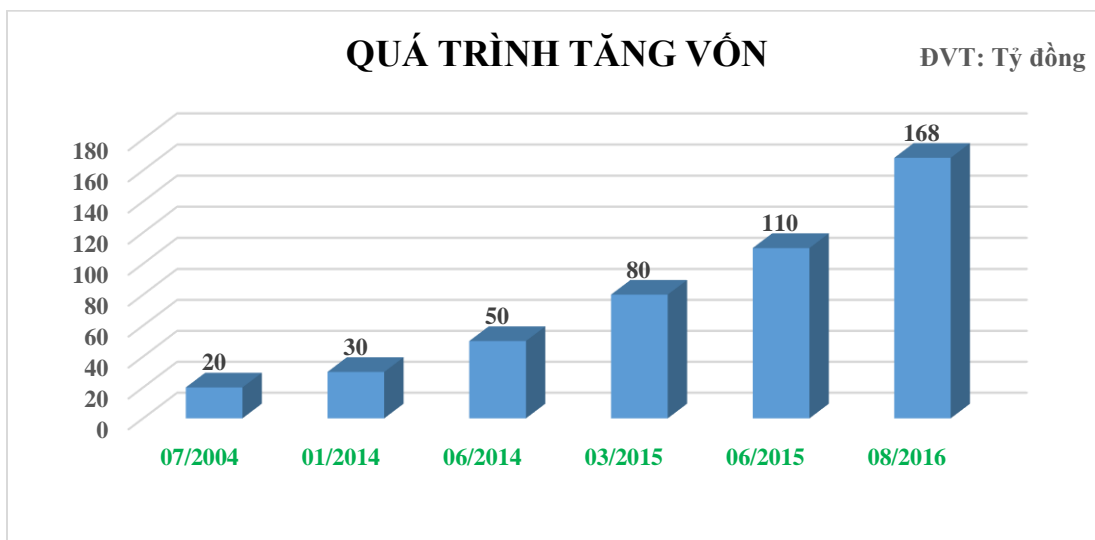
✚ Là người sáng lập TrangCorp, với tiêu chí cung cấp những sản phẩm thực phẩm đông lạnh chất lượng cao cho thị trường thế giới, ông Trang Hồ là người đi tiên phong và đã gặt hái thành công trong sự nghiệp của mình. Xuất phát từ kinh nghiệm của một người quản lý nhà hàng ở Úc, Trang Hồ nhận ra cơ hội thị trường cho các sản phẩm này. Trước khi xây dựng TrangCorp tại Việt Nam, ông Trang Hồ đã từng là Tổng Giám Đốc của Trang's Food tại Úc từ năm 1985. Do có kiến thức trong lĩnh vực cơ khí nên ông đã hỗ trợ TrangCorp rất nhiều trong việc xây dựng nhà máy nên đã tiết kiệm được thời gian và chi phí rất nhiều cho TrangCorp. Khởi đầu với những khách hàng là các cửa hàng và các nhà hàng nhỏ trên phố, TrangCorp đã dần xây dựng được tên tuổi của mình, trở thành một nhà cung cấp uy tín cho các nhà phân phối thức ăn lớn và các hệ thống siêu thị lớn ở Châu Âu, Châu Úc, Châu Mỹ...



Quá trình phát triển



✚ Kể từ khi thành lập với vốn điều lệ ban đầu là 20 tỷ đồng, Công ty Cổ phần Trang đã không ngừng phát triển và trải qua 5 lần tăng vốn điều lệ để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh và hoạt động đầu tư.



- 31/01/2014: Tăng vốn từ 20 tỷ lên 30 tỷ đồng. Hình thức tăng vốn: chia cổ tức bằng cổ phần cho cổ đông hiện hữu (Tỷ lệ 2:1)
- 29/06/2014: Tăng vốn từ 30 tỷ đồng lên 50 tỷ đồng. Hình thức tăng vốn: chia cổ tức bằng cổ phần cho cổ đông hiện hữu. (Tỷ lệ 3:2)
- 10/03/2015: Tăng vốn 50 tỷ đồng lên 80 tỷ đồng. Hình thức tăng vốn: chia cổ tức bằng cổ phần cho cổ đông hiện hữu. (Tỷ lệ 5:3)
- 26/06/2015: Tăng vốn 80 tỷ đồng lên 110 tỷ đồng. Hình thức tăng vốn: Phát hành bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu. (Tỷ lệ 8:3). Giá phát hành 27.000 đồng/cổ phần.
- 12/08/2016: Tăng vốn từ 110 tỷ lên 168,3 tỷ đồng. Hình thức tăng vốn: chia cổ tức bằng cổ phần từ lợi nhuận và từ thặng dư vốn.

✚ Ngày 13/11/2015: Đánh dấu bước phát triển mới của Công ty Cổ phần Trang khi cổ phiếu của công ty được chấp thuận niêm yết trên HNX với mã chứng khoán là TFC - đánh dấu Công ty Cổ phần Trang trở thành công ty đại chúng.

✚ Ngày 03/12/2015: Ngày giao dịch đầu tiên của TFC trên HNX với giá mở điểm là 35.000 đồng/ cổ phiếu. Việc chính thức trở thành Công ty đại chúng là 1 bước ngoặt đáng kể trong quá trình phát triển của TrangCorp đã mang đến nhiều lợi thế cạnh tranh nhưng bên cạnh đó cũng có một số áp lực để Công ty tiếp tục phát triển bền vững.

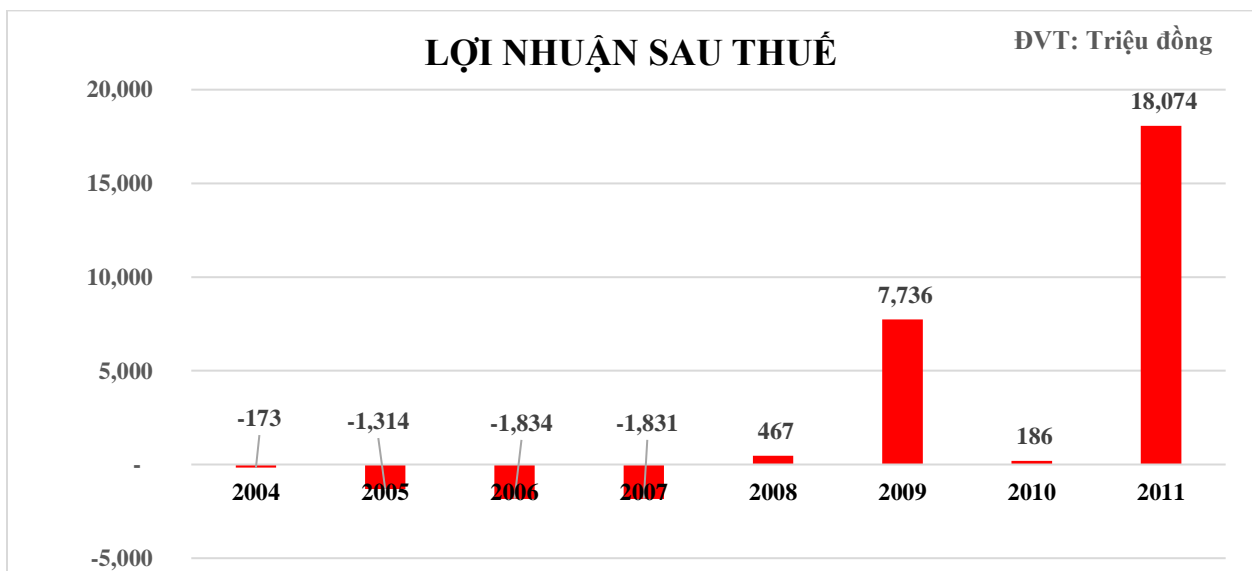
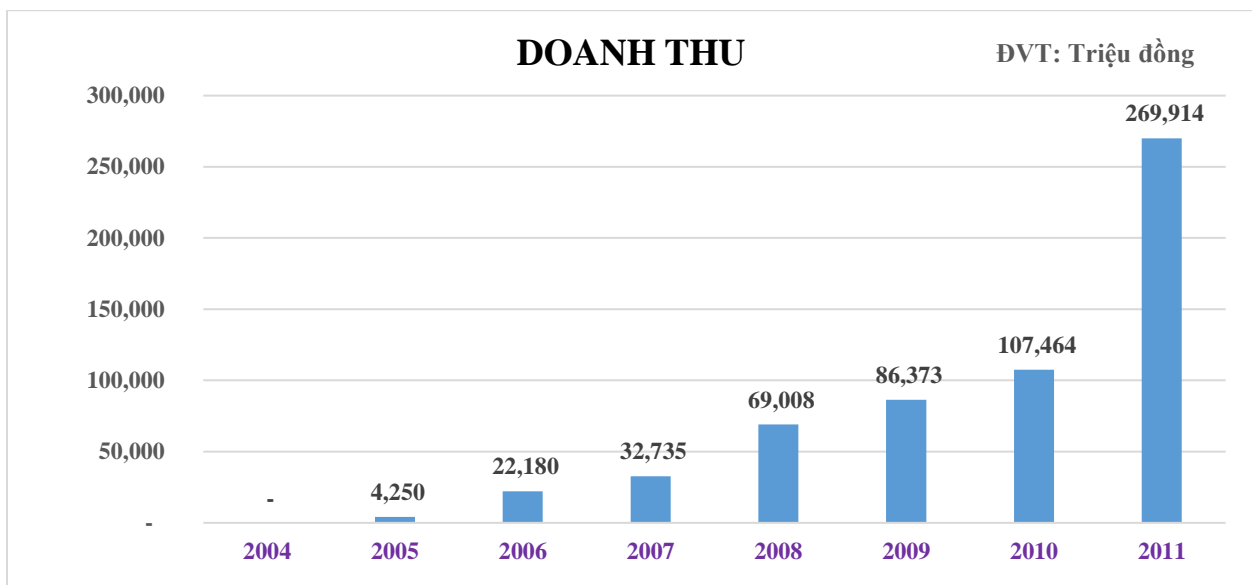


Lịch sử hoạt động

Giai đoạn 1 : Những năm đầu thành lập (Từ 2004 – 2011)

Trong 4 năm đầu từ năm 2004 đến năm 2007, do mới thành lập Công ty còn nhiều khó khăn, doanh thu chưa đủ bù đắp với sự gia tăng của chi phí hoạt động và đầu tư nên lợi nhuận âm .

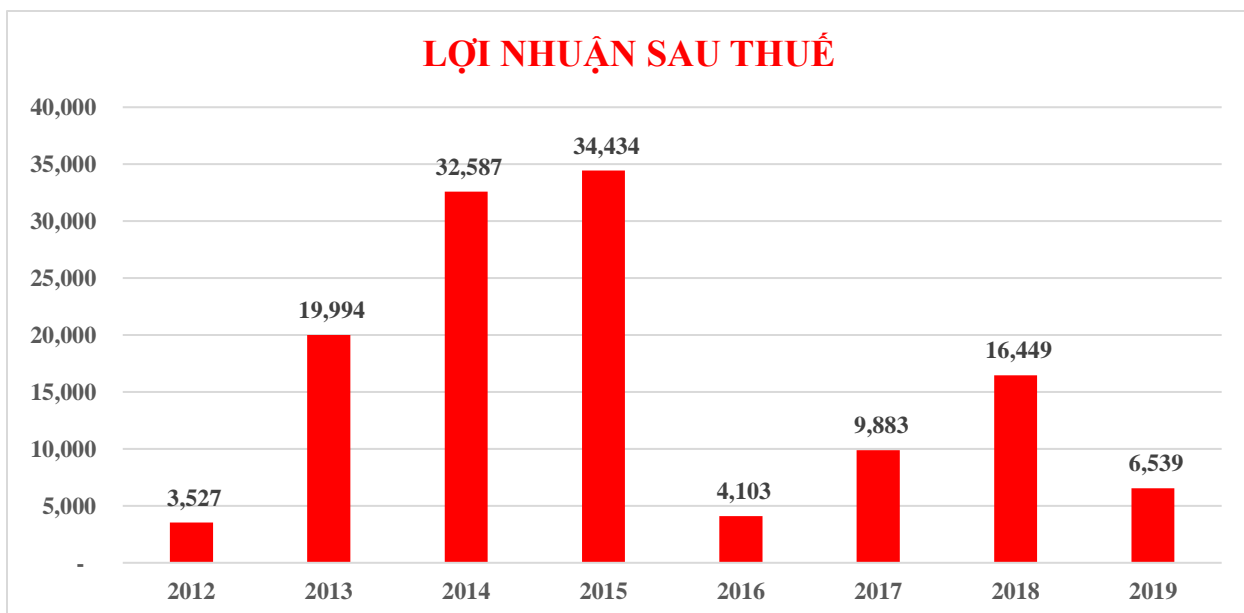
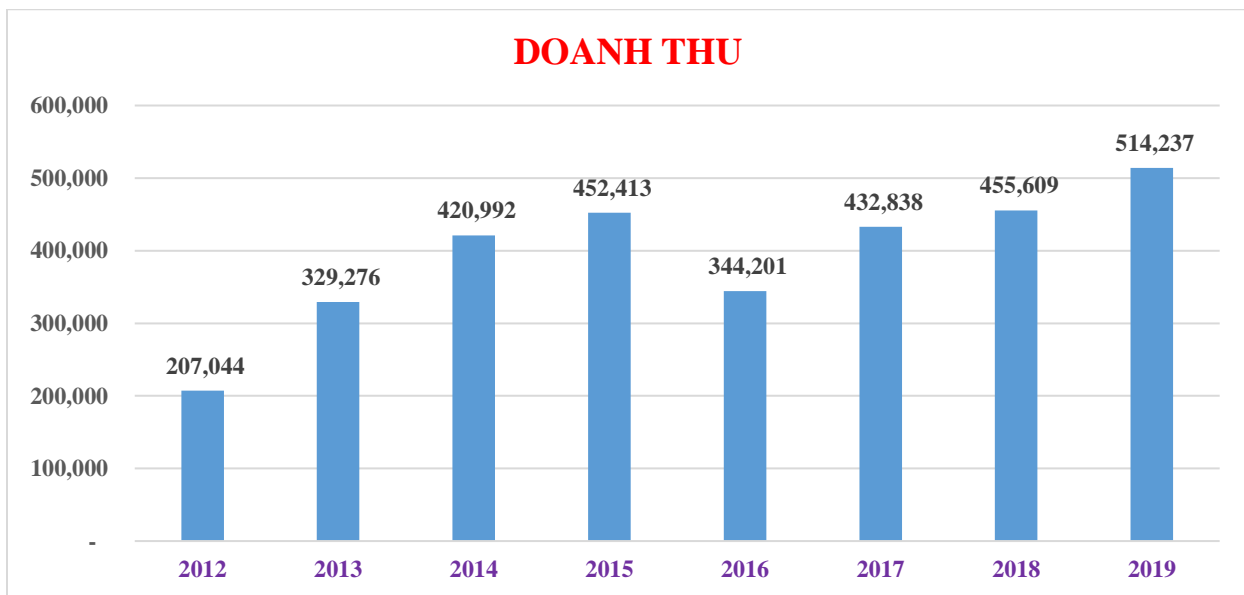
Từ năm 2008 TrangCorp đã bắt đầu đạt lợi nhuận dương và duy trì ở các năm tiếp theo. Nổi bật trong giai đoạn này là trong năm 2009 lợi nhuận sau thuế đạt trên 7 tỷ đồng và đặc biệt là năm 2011 lợi nhuận sau thuế đạt trên 18 tỷ đồng.



Giai đoạn 2 : Giai đoạn tăng trưởng (Từ 2012 – nay)

Từ năm 2012, TrangCorp đã phát triển bền vững, đạt lợi nhuận dương và tăng trưởng qua các năm. Chỉ trong vòng 4 năm từ 2012 đến 2015 Công ty đã tăng doanh thu gấp 2,5 lần và lợi nhuận tăng gấp gần 10 lần so với năm 2012.

Trong năm 2016 do nền kinh tế nói chung gặp nhiều khó khăn nên doanh thu của Công ty có giảm so với các năm trước tuy nhiên vẫn đạt lợi nhuận dương. Từ năm 2017, Công ty Cổ phần Trang đã tiếp tục trở lại quỹ đạo tăng trưởng của mình và duy trì đến hiện tại.



Hệ thống kiểm soát chất lượng

Với chiến lược bảo đảm chất lượng sản phẩm ở mức cao, TrangCorp đã dày công theo đuổi quá trình cải tiến quy trình sản xuất cũng như quản lý chất lượng và đạt được một loạt các chứng nhận của các tổ chức uy tín trong nước cũng như quốc tế. Đây là thế mạnh lớn của TrangCorp mà đa số các doanh nghiệp trong ngành chưa có được. Các chứng nhận tiêu biểu có thể kể đến như: (1) HACCP – chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thủy sản (2) BRC – tiêu chuẩn toàn cầu cho an toàn thực phẩm; áp dụng toàn cầu và được phép xuất khẩu vào thị trường Anh và một số tập đoàn bán lẻ lớn tại Hoa Kỳ; (3) IFS – tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế; áp dụng quốc tế và cần phải có đối với khách hàng nhập khẩu nước ngoài (chủ yếu là châu Âu), (4) BAP: tiêu chuẩn đáp ứng được yêu cầu của thế giới về nhà máy chế biến có áp dụng nuôi trồng thủy sản tốt,...

Bên cạnh đó, Công ty luôn đặt vấn đề chất lượng lên hàng đầu và tuân thủ theo các quy chuẩn này trước và sau khi đạt được chứng nhận, nhằm đáp ứng việc tái đánh giá các chứng nhận. Các chứng nhận mà Trang Corporation đã đạt được vừa là tấm giấy thông hành giúp các sản phẩm của Công ty đến tay khách hàng, vừa là thước đo nghiêm ngặt nhất đo lường hệ thống quản lý chất lượng của Công ty.

Chứng nhận đạt được



2. NGÀNH NGHỀ, ĐỊA BÀN KINH DOANH

Sản phẩm chính của công ty



TEMPURA PRAWN



FILO PRAWN



POTATO SHRIMP



SHRIMP AND VEGETABLE SPRING ROLL



BATTER FISH



PRAWN AND VEGETABLE GYOZA



Thị trường tiêu thụ

TRANG CORPORATION

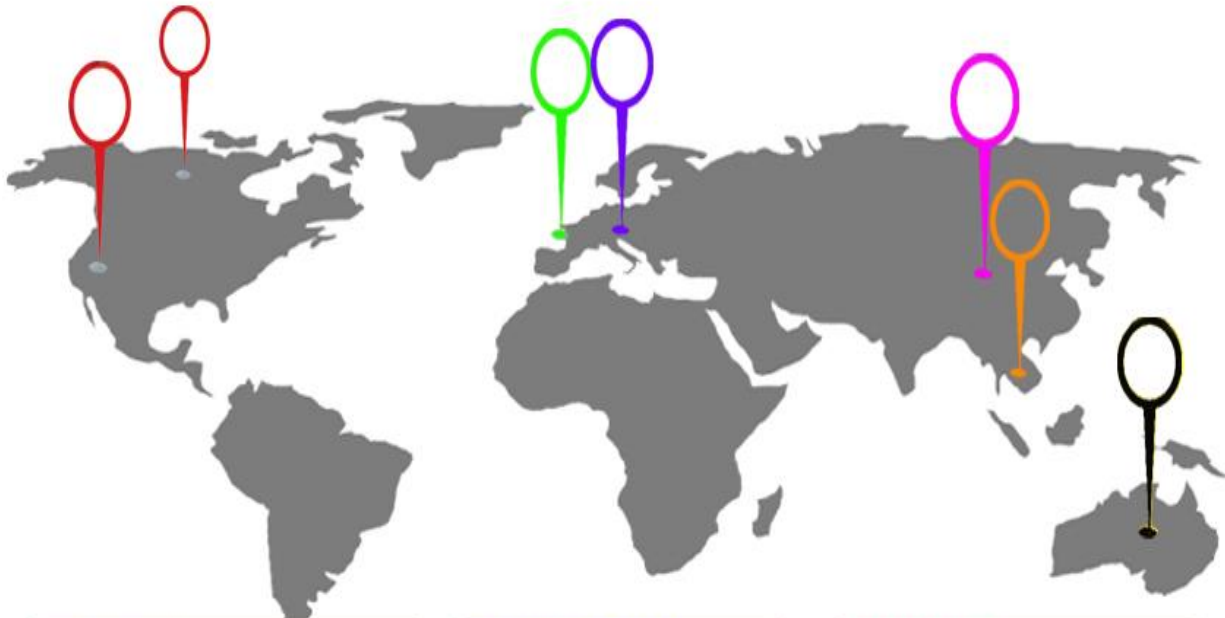
(Trang Corporation)
Lot A 14b Hiep Phuoc Industrial Park,
Long Thoi Commune, Nha Be District, HCMC.
Tel: +84 8 3780 0900
Fax: +84 8 3780 0735
Website: www.trangcorporation.vn
Email: info@trangcorporation.vn

TRANGS AUSTRALIA

(Trang's Food Pty Ltd)
Unit 1B/ 9 Mavis Street Revesby,
NSW 2212.
Tel: +61 02 7903 0663
Fax: +61 02 8583 3177
Website: www.trangsgroup.com
Email: info.au@trangsgroup.com

TRANGS CHINA

(Trang's China Corporation)
1881002 Chengshichuntian Beihubei
Rd Xixiangtang, Nanning, Guangxi, China.
Tel: +86 771 339 8796
Fax: +86 771 392 6672
Website: www.trangsgroup.com
Email: info@trangsgroup.com



TRANGS UK

(Trang's UK Limited)
Suite 215- Crown House, North Circular Road
NW10 7PN London, United Kingdom.
Tel: +44 20 8965 3176
Fax: +44 20 8043 0473
Website: www.trangsgroup.com
Email: info.uk@trangsgroup.com

TRANGS EUROPE

(Trang's Group EUROPE B.V)
Van der Takstraat 8, 3071 LL,
Rotterdam, Netherlands.
Tel: +00 44 7950946697
Website: www.trangsgroup.com
Email: info.uk@trangsgroup.com

TRANGS USA

(Trang's Group USA Incorporated)
7108 Katella Avenue, No, 404,
Stantom, CA, 90680.
Tel: +1 800 248 1871
Fax: +1 800 256 1801
Website: www.trangsgroup.com
Email: info.usa@trangsgroup.com



Khách hàng chính

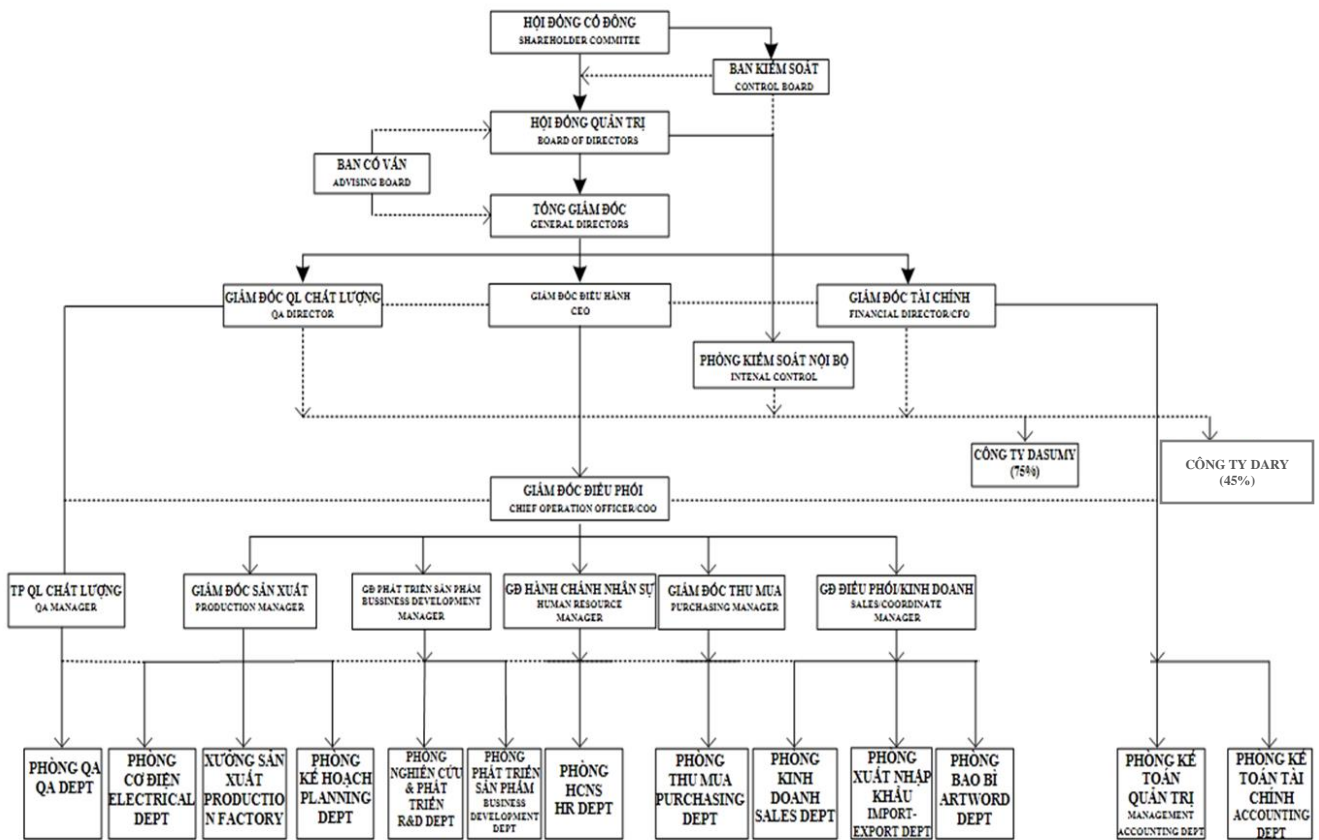


3. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Cơ cấu tổ chức



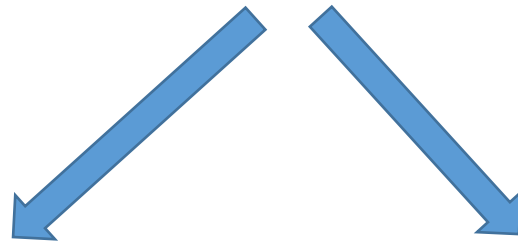
SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG (TRANG CORP'S ORGANIZATION CHART)





Công ty con, Công ty liên kết

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TRANG**



**CÔNG TY TNHH SX –
TM – DV THỰC PHẨM
DASUMY**

Địa chỉ: Lô D4 Đường N1 KCN Hiệp
Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè,
TP.HCM.

Ngành nghề kinh doanh: Bán buôn thực
phẩm: Bánh, mứt, kẹo, sữa, socola,...

Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu: 75%



**CÔNG TY TNHH
THỰC PHẨM
DARY**

Địa chỉ: Lô D4 Đường N1 KCN
Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện
Nhà Bè, TP.HCM.

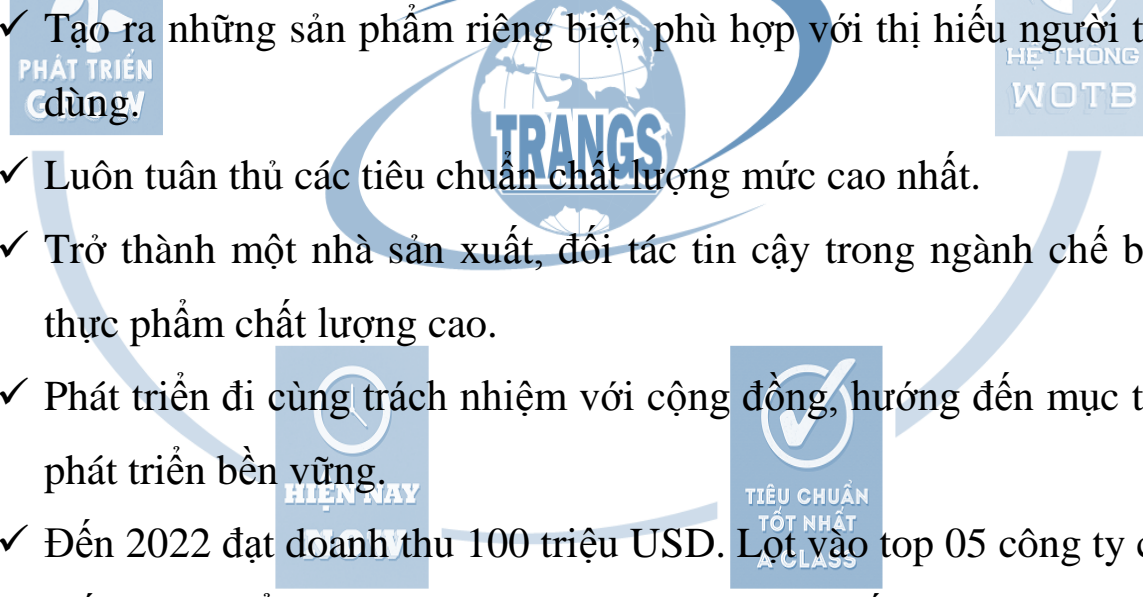
Ngành nghề kinh doanh: Cho thuê
kho lạnh; Gia công, chế biến và xuất
khẩu thực phẩm.

Vốn điều lệ: 60.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu: 45%

4. TÂM NHÌN VÀ SỨ MỆNH

Để thực thi những chiến lược phát triển của công ty, HĐQT đã xây dựng tầm nhìn và sứ mệnh để HĐQT và Ban Tổng Giám Đốc phân đầu, cụ thể như sau:

- 
- ✓ Tạo ra những sản phẩm riêng biệt, phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng!
 - ✓ Luôn tuân thủ các tiêu chuẩn chất lượng mức cao nhất.
 - ✓ Trở thành một nhà sản xuất, đối tác tin cậy trong ngành chế biến thực phẩm chất lượng cao.
 - ✓ Phát triển đi cùng trách nhiệm với cộng đồng, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.
 - ✓ Đến 2022 đạt doanh thu 100 triệu USD. Lot vào top 05 công ty chế biến thực phẩm chuyên sâu có doanh thu cao nhất Việt Nam.
 - ✓ Đảm bảo mức chia lợi tức cho cổ đông ở mức cao nhất so với với các công ty cùng lĩnh vực sản xuất.

5. NGUỒN LỰC CÔNG TY

Trình độ công nghệ tiên tiến

Hiện nay, trên diện tích hơn 7.000 m², Công ty hiện đang vận hành 10 dây chuyền sản xuất và hệ thống kho có năng suất hiện tại khoảng 12 tấn thành phẩm/ngày đối với tất cả các mặt hàng giá trị gia tăng. Các máy móc thiết bị và công nghệ sản xuất hiện nay của Công ty hầu như nhập từ nước ngoài (Châu Âu, Nhật bản) sau đó bộ phận kỹ thuật của Công ty tự cải tiến nhằm phù hợp với quy trình sản xuất hơn và nâng cao hiệu suất của các máy móc. Ngoài ra, với đội ngũ hơn 500 nhân viên được đào tạo bài bản và chuyên nghiệp, công ty luôn đảm bảo việc sản xuất ra những sản phẩm có chất lượng cao và đạt tiêu chuẩn quốc tế được các bạn hàng chấp nhận.

Với mục tiêu nhắm đến thị trường xuất khẩu nên ngay từ khi thành lập, TrangCorp đã đầu tư hệ thống trang thiết bị và máy móc hiện đại nhất cho các nhà máy chế biến. Các nhà máy chế biến đã và đang xây dựng là nhà máy kiểu mẫu về quy trình và đầu tư thiết bị công nghệ mới sẽ tiết kiệm chi phí tiêu hao năng lượng, đảm bảo chất lượng tốt nhất và thời gian ngắn nhất cho việc sản xuất ra thành phẩm

Nguồn nguyên liệu Nguồn cung uy tín, đa dạng khắp nơi.



Bên cạnh nguồn nguyên liệu bên ngoài Công ty còn hợp tác trang trại để đảm bảo nguồn nguyên liệu đáp ứng nhu cầu sản xuất sản phẩm.



Đội ngũ nhân viên

Đội ngũ nhân viên của chúng tôi là những người trẻ trung, nhiệt huyết; giỏi về chuyên môn, tận tình với công việc, luôn đoàn kết gắn bó tạo ra sức mạnh làm nền tảng cho sự phát triển vững của TrangCorporation.



PHẦN 2: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2019

1. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết quả kinh doanh trong năm

Kết thúc năm 2019, Công ty Cổ phần Trang đạt mức doanh thu trên 514,2 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế trên 11,7 tỷ đồng, đạt 101,8% chỉ tiêu doanh thu và đạt 53,1% chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế so với kế hoạch đề ra. Như vậy, Công ty đã vượt kế hoạch đề ra ở chỉ tiêu doanh thu tuy nhiên do các công ty thành viên mới bước đầu hoạt động nên kết quả kinh doanh còn hạn chế, dẫn đến Công ty cổ phần Trang phải trích lập dự phòng đầu tư tài chính ở các công ty thành viên. Chính vì thế Công ty Cổ phần Trang đã không đạt được kế hoạch đề ra ở chỉ tiêu lợi nhuận.



Các chỉ số đo lường hiệu quả kinh doanh

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018
Tổng tài sản	482.578	424.222
Tổng vốn chủ sở hữu	211.350	212.300
Doanh thu thuần	514.237	455.609
Lợi nhuận sau thuế	6.539	16.449
ROA	1,36%	3,88%
ROE	3,89%	9,77%

So sánh kết quả kinh doanh 2019 với năm trước

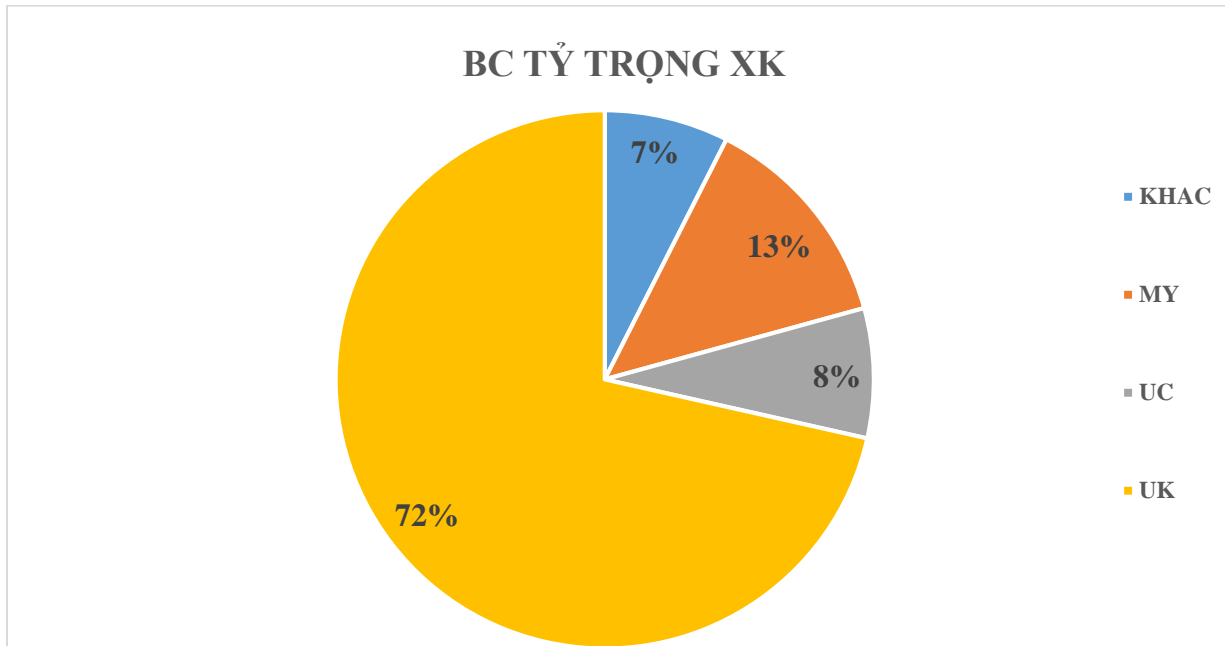
ĐVT: Triệu đồng

	CHỈ TIÊU	NĂM 2019	NĂM 2018	Tăng trưởng
1	Doanh thu BH và CCDV	514.237	455.609	12,9%
2	Gía vốn hàng bán	429.253	379.613	
3	Lợi nhuận gộp về BH và CCDV	84.984	75.996	11,8%
4	Doanh thu tài chính	7.873	6.108	28,8%
5	Chi phí tài chính	32.393	13.838	134%
	Trong đó: chi phí lãi vay	8.918	6.316	41,1%
6	Chi phí bán hàng	11.853	14.290	-17,1%
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	34.283	32.998	3,8%
8	Lợi nhuận thuần từ kinh doanh	14.328	20.978	-31,7%
9	Thu nhập khác	37	161	
10	Chi phí khác	2.636	622	
11	Lợi nhuận khác	-2.599	-461	
12	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.729	20.517	-42,9%
13	Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.189	4.068	
14	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.539	16.449	-60,3%

So sánh kết quả kinh doanh 2019 với kế hoạch đề ra

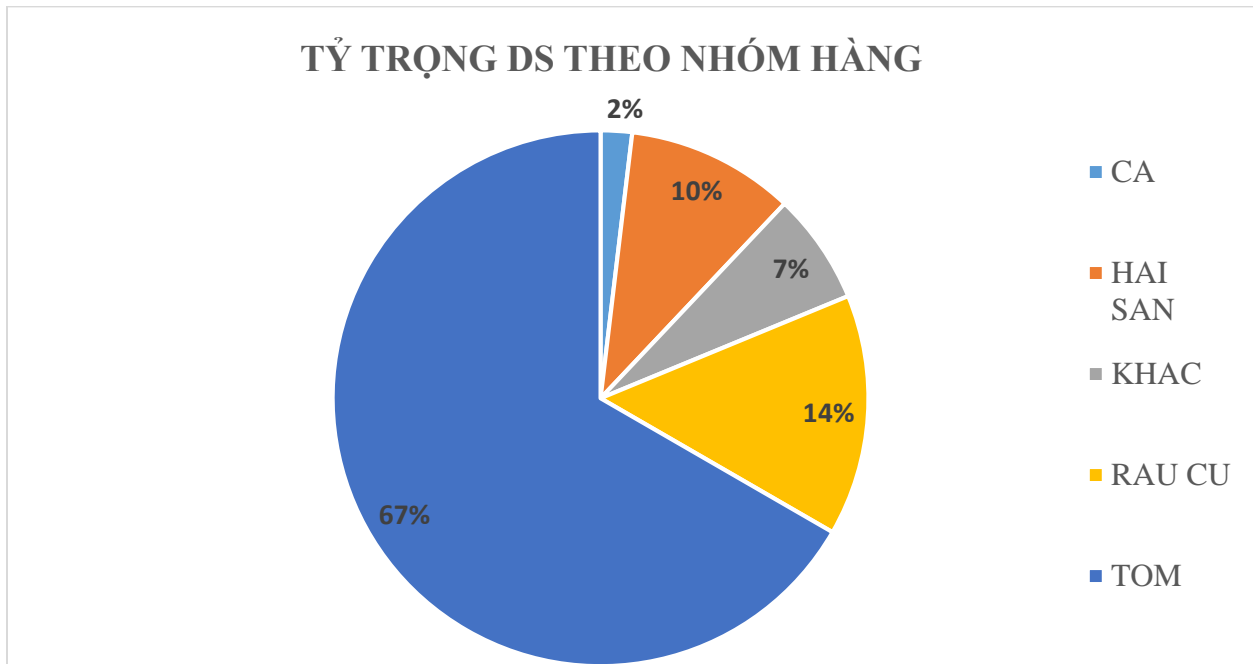
ĐVT: Triệu đồng

	CHỈ TIÊU	NĂM 2019	KẾ HOẠCH 2019	Tỷ lệ đạt được
1	Doanh thu BH và CCDV	514.237	504.831	101,8%
2	Gía vốn hàng bán	429.253	424.058	
3	Lợi nhuận gộp về BH và CCDV	84.984	80.773	105,2%
4	Doanh thu tài chính	7.873	6.413	122,7%
5	Chi phí tài chính	32.393	14.643	221,2%
	Trong đó: chi phí lãi vay	8.918	8.211	108,6%
6	Chi phí bán hàng	11.853	16.434	72,1%
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	34.283	34.032	100,7%
8	Lợi nhuận thuần từ kinh doanh	14.328	22.078	64,8%
9	Thu nhập khác	37	0	
10	Chi phí khác	2.636	0	
11	Lợi nhuận khác	-2.599	0	
12	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.729	22.078	53,1%

Tỷ trọng Doanh số xuất khẩu 2019 theo thị trường

Tỷ trọng doanh số xuất khẩu cho TRANG UK vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất với tỷ trọng 72%, tiếp đến là TRANG MỸ với tỷ trọng 13%, doanh số xuất khẩu TRANG ÚC chiếm 8%, còn lại 7% ở các khách hàng khác bên ngoài TRANG GROUP. So với năm 2018 thì doanh số xuất khẩu có xu hướng giảm tỷ trọng xuất khẩu cho các khách hàng khác bên ngoài TRANG GROUP và tăng tỷ trọng xuất khẩu cho thị trường TRANG UK.

Tỷ trọng doanh số xuất khẩu 2019 theo sản phẩm



Tỷ trọng doanh số xuất khẩu các sản phẩm từ Tôm vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất với tỷ trọng 67%, tiếp đến là các sản phẩm Rau củ chiếm 14%, các sản phẩm hỗn hợp hải sản chiếm 10%, các sản phẩm từ Cá chiếm 2%, còn lại 7% là các sản phẩm khác như Dimsum, Bánh cuốn, Bánh xèo...

2. TÌNH HÌNH NHÂN SỰ



Chính sách nhân sự của Trang Corporation

- Đặt con người người là yếu tố cốt lõi cho mọi sự phát triển, vì vậy Trang Corporation rất coi trọng nhân tài và thu hút nhân tài là chiến lược lâu dài của công ty.
- Gắn bó, đoàn kết, tạo sức mạnh tổng hợp là phương châm phát triển nhân sự của công ty.
- Chú trọng đào tạo chuyên môn và kỹ năng cho nhân viên định kỳ để gia tăng hiệu quả lao động của nhân sự.
- Tạo môi trường tốt nhất để các cá nhân phát huy được hết khả năng của mình .



Về nhân sự trong công ty năm 2019 ít sự biến động. Công ty luôn có chính sách khen thưởng hợp lý để tạo động lực và khích lệ nhân viên làm việc vì mục tiêu chung của cả Công ty. Chính nhờ đó đã giữ chân những lao động giỏi hiện tại và thu hút thêm những nhân sự có năng lực trên thị trường lao động có tính cạnh tranh cao, đặc biệt ở phân khúc cao cấp hiện nay.

Danh sách ban điều hành

	Tên	CP nắm giữ	Tỷ lệ
Tổng giám đốc	Trương Văn Quang	33.550	0,2%
P. Tổng giám đốc	Hồ Văn Trung	2.887.400	17,16%
Kế toán trưởng	Lê Thị Tường Hạnh	21.650	0,13%
Trưởng BKS	Vũ Thị Minh Chiến	344.000	2,04%

Số lượng cán bộ công nhân viên

	31/12/2019	31/12/2018
Tổng số lượng nhân sự Công ty:	543	471

Nếu phân theo số lượng :

■ Công nhân trực tiếp sản xuất :	379 người	318 người
■ Công nhân gián tiếp sản xuất :	69 người	68 người
■ Văn phòng :	80 người	72 người
■ Cấp quản lý :	15 người	13 người

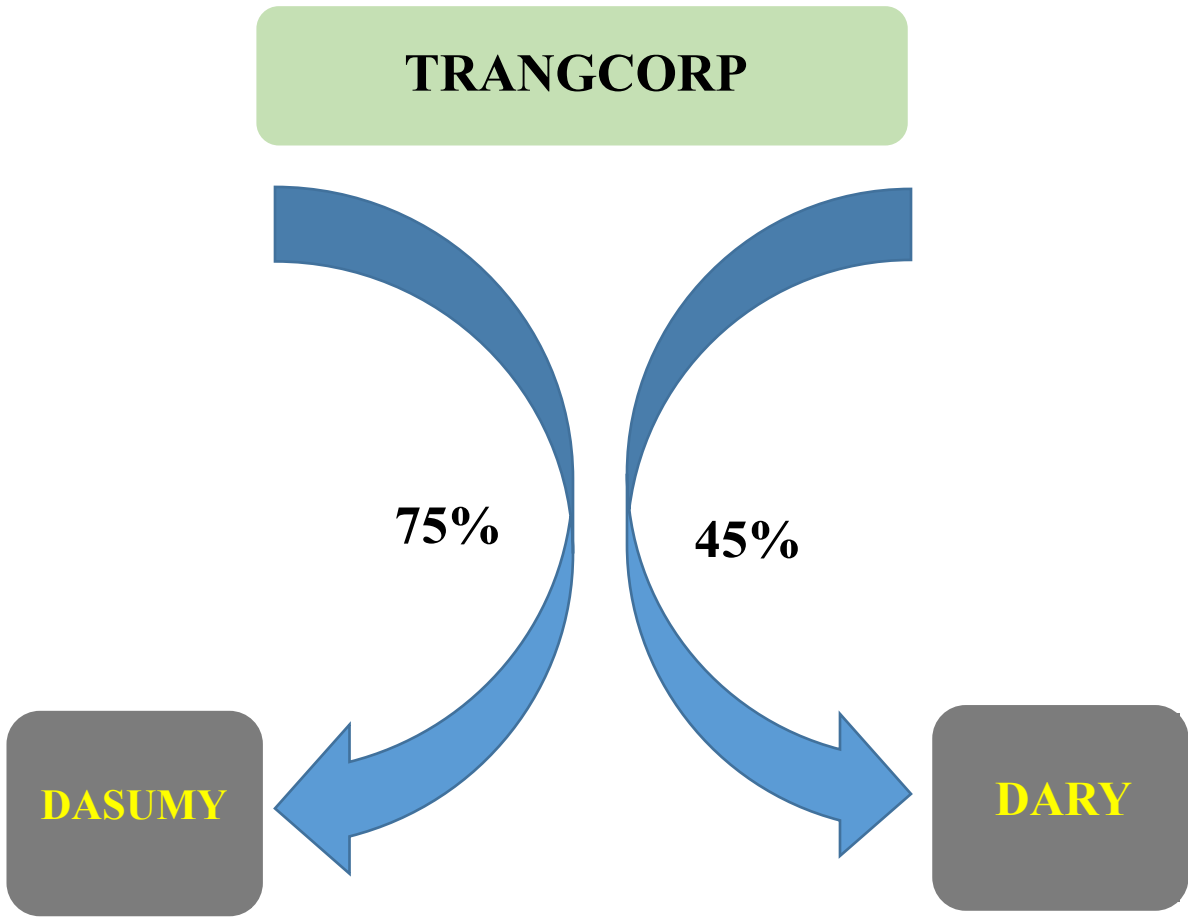
Nếu phân theo trình độ:

■ Trên đại học :	1 người	1 người
■ Đại học, cao đẳng :	124 người	113 người
■ Trung cấp chuyên nghiệp :	14 người	10 người
■ Lao động phổ thông :	404 người	347 người

Nếu phân theo giới tính:

■ Nam :	217 người	210 người
■ Nữ :	326 người	261 người

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ





CÔNG TY TNHH SX – TM – DV THỰC PHẨM DASUMY

- ❖ Vốn điều lệ: 20.000.000.000. Trong đó Công ty Cổ phần Trang góp vốn 15.000.000.000 đồng tương ứng tỷ lệ 75%.
- ❖ Ngành nghề kinh doanh:
 - ✚ Bán buôn thực phẩm: Bánh, mứt, kẹo, sữa, socola,...
 - ✚ Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.
- ❖ Tiến độ đầu tư hiện tại: Đã đi vào hoạt động kinh doanh, đến nay ngoài các kênh truyền thống, Dasumy đã thâm nhập vào kênh phân phối siêu thị, trung tâm thương mại (Aeon, Lotte, Vinmart, Coop...)
- ❖ Tại ngày 31/12/2019:

DVT: Triệu đồng

✚ Tổng tài sản:

13.907

✚ Vốn chủ sở hữu:

1.106



CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM DARY

DARY FOOD

- ❖ Vốn điều lệ : 60.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty Cổ phần Trang góp 27.000.000.000 đồng tương ứng tỷ lệ 45% .
- ❖ Ngành nghề kinh doanh :
 - ✚ Cho thuê kho lạnh.
 - ✚ Gia công tôm, cá sơ chế.
 - ✚ Chế biến thực phẩm từ rau củ, thủy hải sản xuất khẩu
- ❖ Tiến độ đầu tư hiện tại: Hoạt động cho thuê kho lạnh, sơ chế thủy sản,... đã đi vào hoạt động và có doanh thu ổn định. Hoạt động chế biến thực phẩm xuất khẩu đã bắt đầu hoạt động và có doanh thu từ năm 2019.
- ❖ Tại ngày 31/12/2019:

DVT: Triệu đồng

✚ Tổng tài sản:	170.030
✚ Vốn chủ sở hữu:	17.290

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

DVT: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	NĂM 2019	NĂM 2018	% tăng/ giảm
Tổng giá trị tài sản	482.578	424.222	13,8%
Doanh thu thuần	514.237	455.609	12,9%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	14.328	20.978	-31,7%
Lợi nhuận khác	-2.599	-461	
Lợi nhuận trước thuế	11.729	20.517	-42,8%
Lợi nhuận sau thuế	6.539	16.449	-60,3%

Các chỉ tiêu tài chính

CHỈ TIÊU	NĂM 2018	NĂM 2019
1.Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,49	1,45
Hệ số thanh toán nhanh	1,12	1,17
2.Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,50	0,56
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,26	1,61
3.Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Vòng quay hàng tồn kho	5,05	6,09
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	1,07	1,07
4.Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu	3,6%	1,3%
Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	7,7%	3,1%
Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	3,9%	1,4%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu	4,6%	2,8%

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG



Cơ cấu cổ đông đến 16/12/2019 (dữ liệu sẽ được update ngay khi có thông tin từ Trung tâm lưu ký chứng khoán)

Cơ cấu cổ đông		Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu
Nước ngoài	Cá nhân	6	5.391.800
	Tổ chức	0	0
Trong nước	Cá nhân	242	11.410.620
	Tổ chức	3	27.574
Tổng			16.829.994

6. HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN, XÃ HỘI

Phối hợp với Ban lãnh đạo Công ty tổ chức phong trào “ Xanh- Sạch- Đẹp. Đảm bảo an toàn vệ sinh lao động”. Đảm bảo môi trường hoạt động đạt tiêu chuẩn.

Phối hợp với Ban lãnh đạo Công ty xây dựng và thực hiện các quy định, chế độ chính sách về bảo hộ lao động.

Xây dựng và duy trì Phương án PCCC tại cơ sở, thành lập và duy trì Đội PCCC, thực hiện tốt an toàn lao động.

Cải tiến, nâng cao công suất hệ thống xử lý nước thải.

Phối hợp với công đoàn Công ty tổ chức hội thao với sự tham gia của toàn bộ cán bộ công nhân viên Công ty.

Tích cực tham gia các hoạt động xã hội như ủng hộ quỹ tặng quà Tết cho công nhân nghèo, Quỹ vì người nghèo, Hỗ trợ các hộ nghèo gặp khó khăn trên địa bàn hoạt động của công ty,....



PHẦN 3: BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BGD, HĐQT

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết quả kinh doanh trong năm 2019:

Kết thúc năm 2019, Công ty Cổ phần Trang đạt mức doanh thu hơn 514 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế hơn 11,7 tỷ đồng, đạt 102% chỉ tiêu doanh thu và đạt 53% chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế so với kế hoạch đề ra.

Như vậy, Công ty đã vượt kế hoạch đề ra ở chỉ tiêu doanh thu tuy nhiên chưa đạt kế hoạch ở chỉ tiêu lợi nhuận. Nguyên nhân là do các công ty thành viên mới bước đầu hoạt động nên kết quả kinh doanh còn hạn chế, dẫn đến Công ty cổ phần Trang phải trích lập dự phòng đầu tư tài chính ở các công ty thành viên.

Các chỉ số đo lường hiệu quả kinh doanh:

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018
Tổng tài sản	482,6 tỷ đồng	424,2 tỷ đồng
Tổng vốn chủ sở hữu	211,4 tỷ đồng	212,3 tỷ đồng
Doanh thu thuần	514,2 tỷ đồng	455,6 tỷ đồng
Lợi nhuận sau thuế	6,5 tỷ đồng	16,4 tỷ đồng
ROA (Lợi nhuận trên tổng tài sản)	1,36%	3,88%
ROE (Lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu)	3,89%	9,77%

So sánh kết quả kinh doanh 2019 với năm trước:

	CHỈ TIÊU	NĂM 2019	NĂM 2018	Tăng trưởng
1	Doanh thu BH và CCDV	514,2 tỷ đồng	455,6 tỷ đồng	12,9%
2	Giá vốn hàng bán	429,3 tỷ đồng	379,6 tỷ đồng	
3	Lợi nhuận gộp về BH và CCDV	85,0 tỷ đồng	76,0 tỷ đồng	11,8%
4	Doanh thu tài chính	7,9 tỷ đồng	6,1 tỷ đồng	28,8%
5	Chi phí tài chính	32,4 tỷ đồng	13,8 tỷ đồng	134%
	Trong đó: chi phí lãi vay	8,9 tỷ đồng	6,3 tỷ đồng	41,1%
6	Chi phí bán hàng	11,9 tỷ đồng	14,3 tỷ đồng	-17,1%
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	34,3 tỷ đồng	33,0 tỷ đồng	3,8%
8	Lợi nhuận thuần từ kinh doanh	14,3 tỷ đồng	21,0 tỷ đồng	-31,7%
9	Thu nhập khác	0,04 tỷ đồng	0,2 tỷ đồng	
10	Chi phí khác	2,6 tỷ đồng	0,6 tỷ đồng	
11	Lợi nhuận khác	-2,6 tỷ đồng	-0,5 tỷ đồng	
12	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11,7 tỷ đồng	20,5 tỷ đồng	-42,9%
13	Chi phí thuế TNDN hiện hành	5,2 tỷ đồng	4,1 tỷ đồng	
14	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6,5 tỷ đồng	16,4 tỷ đồng	-60,3%

So sánh kết quả kinh doanh 2019 với kế hoạch đề ra:

	CHỈ TIÊU	NĂM 2019	KẾ HOẠCH 2019	Tỷ lệ đạt được
1	Doanh thu BH và CCDV	514,2 tỷ đồng	504,8 tỷ đồng	101,8%
2	Giá vốn hàng bán	429,3 tỷ đồng	424,0 tỷ đồng	
3	Lợi nhuận gộp về BH và CCDV	85,0 tỷ đồng	80,8 tỷ đồng	105,2%
4	Doanh thu tài chính	7,9 tỷ đồng	6,4 tỷ đồng	122,7%
5	Chi phí tài chính	32,4 tỷ đồng	14,6 tỷ đồng	221,2%
	Trong đó: chi phí lãi vay	8,9 tỷ đồng	8,2 tỷ đồng	108,5%
6	Chi phí bán hàng	11,9 tỷ đồng	16,4 tỷ đồng	72,1%
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	34,3 tỷ đồng	34,0 tỷ đồng	100,7%
8	Lợi nhuận thuần từ kinh doanh	14,3 tỷ đồng	22,1 tỷ đồng	64,8%
9	Thu nhập khác	0,04 tỷ đồng	0	
10	Chi phí khác	2,6 tỷ đồng	0	
11	Lợi nhuận khác	-2,6 tỷ đồng	0	
12	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11,7 tỷ đồng	22,1 tỷ đồng	53,1%

2. CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG, MẶT HÀNG

Tỷ trọng doanh số xuất khẩu cho thị trường UK và EU vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất với tỷ trọng 72%, tiếp đến là thị trường Mỹ với tỷ trọng 13%, thị trường Úc chiếm 8%, còn lại 7% ở các khách hàng ở những thị trường khác ngoài Trang Group.

So với năm 2018 thì doanh số xuất khẩu năm 2019 có xu hướng tăng tỷ trọng ở thị trường Trang UK và giảm tỷ trọng ở các thị trường khác.

Tỷ trọng doanh số xuất khẩu các sản phẩm từ Tôm vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất với tỷ trọng 67%, tiếp đến là các sản phẩm Rau củ chay chiếm 14%, các sản phẩm hỗn hợp hải sản chiếm 10%, các sản phẩm từ Cá chiếm 2%, còn lại 7% là các dòng sản phẩm khác như Dimsum, Bánh cuốn, Bánh xèo...



3. TÌNH HÌNH NHÂN SỰ

Về nhân sự trong công ty năm 2019 ít sự biến động và tiếp tục xu hướng tinh giản, tối ưu. Công ty luôn có chính sách khen thưởng hợp lý để tạo động lực và khích lệ nhân viên làm việc vì mục tiêu chung của cả Công ty. Chính nhờ đó đã giữ chân những lao động giỏi hiện tại và thu hút thêm những nhân sự có năng lực trên thị trường lao động có tính cạnh tranh cao, đặc biệt ở phân khúc cao cấp hiện nay.

Tại ngày 31/12/2019

Tổng số lượng nhân sự Công ty: 543

Nếu phân theo số lượng :

Công nhân trực tiếp sản xuất : 379 người

Công nhân gián tiếp sản xuất : 69 người

Văn phòng : 80 người

Cấp quản lý : 15 người

Nếu phân theo trình độ:

Trên đại học : 1 người

Đại học, cao đẳng : 124 người

Trung cấp chuyên nghiệp : 14 người

Lao động phổ thông : 404 người

Nếu phân theo giới tính:

Nam : 217 người

Nữ : 326 người

4. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TẠI 2 ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

Trong năm 2019, hoạt động tại 2 Công ty con vẫn tiếp tục kiện toàn hướng tới ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, một số điểm chính như sau:

a. CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM DARY

- Vốn điều lệ : **60.000.000.000 đồng**. Trong đó Công ty Cổ phần Trang góp **45%**.
- Ngành nghề kinh doanh : Cho thuê kho lạnh; Gia công tôm, cá sơ chế; Chế biến thực phẩm từ rau củ, thủy hải sản xuất khẩu và bán nội địa (hàng value added và Gluten free).
- Tình hình kinh doanh trong năm 2018:
 - Tổng tài sản: **170.030.456.327 đồng**
 - Doanh thu : **70.950.845.640 đồng**
- Tiến độ đầu tư hiện tại: Hoạt động cho thuê kho lạnh, sơ chế thủy sản... đã bắt đầu có doanh thu ổn định. Hoạt động chế biến đã bước đầu đi vào sản xuất. Về cơ bản, Dary đã đạt được các chứng nhận cần thiết để đáp ứng điều kiện xuất khẩu vào các quốc gia có yêu cầu cao (như BRC, Sedex..). Trong thời gian tới Dary sẽ đẩy mạnh hoạt động sản xuất, xuất khẩu hướng đến mục tiêu đạt được mức hòa vốn sản xuất kinh doanh.

b. CÔNG TY TNHH SX-TM-DV THỰC PHẨM DASUMY

- Vốn điều lệ: 20.000.000.000. Trong đó Công ty Cổ phần Trang góp vốn 15.000.000.000 đồng tương ứng tỷ lệ 75%.
- Ngành nghề kinh doanh: Chế biến và bán buôn thực phẩm: Bánh, mứt, kẹo, sữa, socola,...
- Hiện tại hoạt động kinh doanh của Dasumy vẫn đang trong giai đoạn dần ổn định, đến nay ngoài các kênh truyền thống, Dasumy đã thâm nhập vào hầu hết các kênh phân phối siêu thị, trung tâm thương mại (Aeon, Lotte, Vinmart, Coop...)
- Tình hình kinh doanh trong năm 2019:
 - Tổng tài sản : **13.906.604.183 đồng**
 - Doanh thu : **12.492.297.172 đồng**
- Từ cuối năm 2018 Dasumy tiếp tục tái cấu trúc, tinh giản bộ máy hướng đến mục tiêu ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. TỔNG QUAN KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2019

Thực hiện kế hoạch kinh doanh cả năm 2019, TFC đạt doanh thu khoảng 514 tỷ tăng 13% so với năm 2018, lợi nhuận trước thuế giảm 43% so với 2018; tỷ lệ lợi nhuận gộp vẫn được duy trì ở mức 17% trên doanh thu.

Xét về kế hoạch, Công ty đã vượt kế hoạch doanh thu đề ra và đạt 102% so với kế hoạch; mặc dù cả năm 2019 Công ty chưa đạt được kế hoạch ở chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế tuy nhiên chỉ tiêu lợi nhuận gộp vẫn đạt 105% so với kế hoạch, lý do lợi nhuận trước thuế chưa đạt được kế hoạch xuất phát từ việc trích lập dự phòng đầu tư tài chính ở các đơn vị thành viên.

2. VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN

Hiện nay, Dary và Dasumy vẫn đang trong giai đoạn kiện toàn bộ máy, hoạt động kinh doanh vẫn chưa tạo được lợi nhuận. Kết quả hợp nhất kinh doanh của 2 công ty con đạt được tuy không cao nhưng cho thấy quá trình cải thiện, tăng trưởng của cả tập đoàn, đặc biệt trong bối cảnh công ty con vẫn còn gánh chịu chi phí khấu hao lớn, lãi vay rất cao. Một vài điểm sáng của hoạt động kinh doanh hợp nhất như:

- Doanh thu hợp nhất tăng trưởng hơn 15%
- Kết quả kinh doanh hợp nhất từ lãi hơn 1 tỷ trong năm 2018 đến năm 2019 đã tăng lên trên 16 tỷ đồng, tăng gấp gần 16 lần so với năm trước đó. Trong đó phần lợi nhuận của công ty mẹ tăng hơn 3 lần so với năm 2018.

3. MỘT SỐ ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT

HĐQT đánh giá năm 2019 là một năm tiếp theo gặt hái thành quả sau khi phục hồi nhanh do khủng hoảng. Công tác tái tổ chức, gia tăng cơ khí hóa nhằm chuẩn bị nội lực cho tiềm năng tăng trưởng trong tương lai.

Định hướng hoạt động của HĐQT và BGD trong những năm tới sẽ tiếp tục tập trung hoàn thiện cơ khí hóa và hiện đại hóa trong sản xuất nhằm đạt được năng lực sản xuất cao nhất, tối ưu chi phí nhất, ngoài ra TFC cũng sẽ giải quyết được sự phụ thuộc lực lượng lao động phổ thông trong những mùa cao điểm.

Về thị trường, HĐQT và BGD đánh giá đã có những tín hiệu tốt, Công ty đã thâm nhập được khách hàng tại thị trường Hàn Quốc, Nhật Bản và sẽ tiếp tục cân đối để đầu tư thâm nhập thêm khách hàng của những thị trường á châu (Nhật Bản, Hàn Quốc, Hồng Kông, Singapore, Malaysia), Canada, Đức,...Đặc biệt là thị trường Mỹ với nhiều cơ hội tiềm năng. TFC sẽ hướng tới đa dạng hóa thị trường và mặt hàng tránh bị tình trạng hoạt động cao điểm thời gian ngắn trong khi phải duy trì mức thấp điểm trong suốt thời gian còn lại.

Ngoài ra Công ty cũng tiếp tục đầu tư cho R&D để bắt kịp nhu cầu ngày càng đa dạng và khó tính của thị trường, đồng thời duy trì nâng cao năng lực cạnh tranh truyền thống của Công ty.

4. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

❖ Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 16/12/2019

Cơ cấu cổ đông		Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Tỷ lệ
Nước ngoài	Cá nhân	6	5.391.800	32,03%
	Tổ chức	0	0	
Trong nước	Cá nhân	242	11.410.620	67,81%
	Tổ chức	3	27.574	0,16%
Tổng		258	16.829.994	

❖ Cơ cấu cổ đông nội bộ

Tính đến thời điểm 16/12/2019, cổ đông nội bộ là các thành viên HĐQT nắm giữ **11.114.850** cổ phần, tương ứng với **66,04%** vốn điều lệ. Và cổ đông nội bộ là các thành viên Ban kiểm soát và kế toán trưởng nắm giữ **365.650** cổ phần, tương ứng **2,17%** vốn điều lệ.

5. Kế hoạch kinh doanh 2020

STT	CHỈ TIÊU	Kế hoạch 2020
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	612,3 tỷ đồng
	<i>Tăng trưởng doanh thu</i>	<i>19%</i>
2	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch	110,2 tỷ đồng
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	45,2 tỷ đồng
4	Lợi nhuận trước thuế	45,2 tỷ đồng

PHẦN 4: KẾ HOẠCH KINH DOANH 2020

Với bối cảnh diễn biến kinh tế thế giới có nhiều biến động, đặc biệt là ảnh hưởng của dịch bệnh đang phức tạp. Ban điều hành nỗ lực xây dựng kế hoạch tối ưu nhất dựa trên nguồn lực có giới hạn như hiện nay. Theo đó tăng trưởng doanh thu vào khoảng 19% so với năm 2019. Các mặt hàng hải sản sẽ duy trì mức cũ, nhóm hàng rau củ quả sẽ tăng cao hơn 2019.

Công ty sẽ tiếp tục cải thiện công nghiệp hóa và cơ khí hóa để cạnh tranh, giảm thêm chi phí quản lý để tăng lợi nhuận.

Một số dự báo ảnh hưởng đến kế hoạch 2020:

- Căn cứ tình hình đơn hàng, năm 2020 sản lượng dự kiến tăng trưởng khoảng 25%, tuy nhiên doanh thu năm 2020 dự báo tăng trưởng vào khoảng 19%, do thay đổi cơ cấu mặt hàng (tăng tỷ trọng nhóm hàng rau củ) và cạnh tranh giá trên thị trường ngày càng gay gắt.
- Chi phí lãi vay dự báo sẽ tăng khoảng 30% do nhu cầu bổ sung vào dòng vốn lưu động của Công ty.
- Chi phí năng lượng như điện, nước,...tăng mạnh trong 2020 sẽ tạo thêm gánh nặng lớn cho Công ty.
- Chi phí lao động vẫn tiếp tục xu hướng tăng trong những năm tới.
- Tỷ suất lợi nhuận gộp năm 2020 dự báo sẽ được cải thiện và dao động mức 18% so với mức 17% của năm nay.

Kế hoạch kinh doanh năm 2020 (dự kiến):

ĐVT: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	KH2020
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	612.300
<i>Tăng trưởng doanh thu</i>	<i>19%</i>
Giá vốn hàng bán	502.086
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	110.214
Doanh thu tài chính	7.150
Chi phí tài chính	16.696
Chi phí bán hàng	14.190
Chi phí quản lý	41.256
Lợi nhuận thuần	45.222
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	45.222

PHẦN 5: QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chức vụ	Họ tên	Năm sinh	Quá trình công tác
Chủ tịch HĐQT	Bà Nguyễn Minh Nguyệt	1956	<ul style="list-style-type: none">- Từ 1980-1990 Giám đốc quản lý chất lượng tại Công ty sản xuất Kem Street – Úc- Từ 1990 – 2005 Giám đốc nhà máy sản xuất thực phẩm TrangFood – Úc- Từ 2005-T9/2015 Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Trang – Việt Nam- Từ T9/2015-T07/2017: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc- Đến 29/06/2017 : Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Trang- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Trang
Thành viên HĐQT	Ông Hồ Văn Trung	1952	<ul style="list-style-type: none">- Từ 1980-2000 : Công ty chế biến thực phẩm Trangs Food – Úc – Giám đốc.- Từ 2000 – 2007 : Trangs Group - Chuyên viên bán hàng Quốc tế.- Từ 2007-Nay : Cố vấn chiến lược và cố vấn công nghệ Công ty CP Trang – Việt Nam- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty CP Trang.
Thành viên HĐQT	Ông David Ho	1985	<ul style="list-style-type: none">- Từ 01/01/2013 – 31/12/2005 Trưởng phòng quản lý kinh doanh TrangFood, công ty chuyên phân phối hàng hóa thực phẩm – Úc- Từ 01/01/2006 – 31/12/2008 Giám đốc quản lý TrangFood, công ty chuyên phân phối hàng hóa thực phẩm – Úc- Từ 01/01/2009 – 2013 Giám đốc quản lý kiêm Giám đốc kinh doanh quốc tế Công ty chế biến thực phẩm Trangs Food - Úc- Từ 09/2015 – Thành viên HĐQT CTCP Trang

Thành viên HDQT	Ông Trương Văn Quang	1976	<ul style="list-style-type: none"> - Từ tháng 01/1999 đến tháng 12/2001: Nhân viên quản lý chất lượng Công ty COFIDEC. - Từ tháng 01/2002 đến tháng 09/2006: Quản đốc xưởng Công ty COFIDEC. - Từ tháng 10/2006 đến tháng 02/2017: Quản đốc xưởng Công ty CP Trang. - Từ tháng 03/2017 đến 07/2019: Phó giám đốc điều hành Công ty CP Trang. - Từ tháng 07/2019 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Trang.
Thành viên HDQT	Ông Võ Thiên Chương	1980	<ul style="list-style-type: none"> - Từ năm 2007 đến năm 2011 : Công ty CP Chứng khoán Quốc tế Việt Nam - CN Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc chi nhánh. - Từ năm 2003 đến năm 2007 : Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán CA&A, kế toán trưởng, Trợ lý kiểm toán - Từ 2003 – 2007 Kế toán trưởng, kiểm toán viên tại Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam - Từ 2012 - 2017 Thành Viên BKS Công ty cổ phần Cấp Nhựa Vĩnh Khánh - Đến 01/05/2017 : Giám đốc Tài chính Công ty CP Trang - Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Trang
Thành viên HDQT	Bà Nguyễn Minh Tâm	1967	<ul style="list-style-type: none"> - 1985 – 1990 Trưởng phòng quản lý chất lượng Công ty sản xuất Kem Street - Úc. - 1990 – 2005: Trưởng phòng quản lý chất lượng Công ty Chế biến Thực phẩm Trang's Food – Úc. - 2005 - nay Thành viên HĐQT CTCP Trang
Thành viên HDQT	Ông Huỳnh Khánh Hiếu	1974	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 1995 – 2002: Công ty kiểm toán AFC Sài Gòn. - Từ 2002 – 2005 : Công ty kiểm toán DTL - Từ 2005 – 2006 : Công ty kiểm toán Quang Minh - Từ 2006 – Nay : Đầu tư tài chính

BAN GIÁM ĐỐC

Chức vụ	Họ tên	Năm sinh	Quá trình công tác
Tổng Giám đốc	Ông Trương Văn Quang	1976	<ul style="list-style-type: none">- Từ tháng 01/1999 đến tháng 12/2001: Nhân viên quản lý chất lượng Công ty COFIDEC.- Từ tháng 01/2002 đến tháng 09/2006: Quản đốc xưởng Công ty COFIDEC.- Từ tháng 10/2006 đến tháng 02/2017: Quản đốc xưởng Công ty CP Trang.- Từ tháng 03/2017 đến 07/2019: Phó giám đốc điều hành Công ty CP Trang.- Từ tháng 07/2019 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Trang.
Phó Tổng GD	Ông Hồ Văn Trung	1952	<ul style="list-style-type: none">- Từ 1980-2000 : Công ty chế biến thực phẩm Trangs Food – Úc – Giám đốc.- Từ 2000 – 2007 : Trangs Group - Chuyên viên bán hàng Quốc tế.- Từ 2007-Nay : Cố vấn chiến lược và cố vấn công nghệ Công ty CP Trang – Việt Nam- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty CP Trang.
Kế toán trưởng	Bà Lê Thị Tường Hạnh	1980	<ul style="list-style-type: none">- Từ 9/2002 đến 10/2008 Làm việc tại CTCP Tân Tân.- Từ 11/2008 đến nay Làm việc tại CTCP Trang.- Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng CTCP Trang.

BAN KIỂM SOÁT

Chức vụ	Họ tên	Năm sinh	Quá trình công tác
Trưởng BKS	Bà Vũ Thị Minh Chiến	1954	<ul style="list-style-type: none">- Từ 2003 – 2005: Phó giám đốc Công ty kinh doanh hàng TTVN (Công ty dệt may Việt Nam)- Từ 2005 – 2009: Giám đốc Hành chính nhân sự Công ty CP Trang- Từ 2009 – 2015: Giám đốc điều hành Công ty CP Trang- Từ 2015 – Nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Trang
Thành viên BKS	Bà Trần Thanh Hương	1955	<ul style="list-style-type: none">- Từ 1979 – 1981 : giáo viên- Từ 1983 – 1986 : Kế toán Công ty Liên hiệp XNK T.Cửu Long- Từ 1986 – 1991 : Kế toán trưởng Công ty DV TD TT T.Vĩnh Long- Từ 1993 – 1995 : Kế toán thuế Công ty TNHH DV TM Viễn Tin- Từ 1996 – 2001 : Kế toán quản trị và tư vấn Công ty CP DV Bưu chính viễn thông Sài Gòn- Từ 2001 – 2012 :Thủ quỹ Công ty CP DV BC VT Sài Gòn- Từ 2012 – 2016 : về hưu- Từ 2016 - Nay: Thành viên BKS Công ty CP Trang
Thành viên BKS	Bà Trương Thị Huỳnh Như	1988	<ul style="list-style-type: none">- Từ 2015 – 07/2019: Nhân viên thu mua Công ty CP Trang.- Từ tháng 07/2019 - nay: Thành viên BKS Công ty CP Trang.

PHẦN 6: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2019





BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN TRẠNG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	14 - 37

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Trang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Trang là công ty cổ phần hoạt động theo:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303366525, đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 7 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 03 tháng 8 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 41221000651, đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2015 do Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh cấp. Thời gian hoạt động của dự án đến ngày 29 tháng 12 năm 2048.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Điện thoại : (84 – 28) 37 800 900
- Fax : (84 – 28) 37 800 735

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất, chế biến thủy, hải sản;
- Sản xuất, chế biến thực phẩm. Sản xuất, chế biến cà phê, trà;
- Mua bán nông, lâm sản;
- Mua bán thủy hải sản và thực phẩm. Mua bán thực phẩm công nghệ. Mua bán cà phê, trà;
- Mua bán trang thiết bị máy móc, vật tư phục vụ sản xuất công, nông, ngư nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật);
- Dịch vụ hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt;
- Nuôi trồng thủy sản biển và nội địa;
- Tư vấn quản lý kinh doanh, chuyển giao công nghệ;
- Môi giới bất động sản, dịch vụ nhà đất;
- Cho thuê nhà xưởng, kho bãi. Kinh doanh nhà ở. Cho thuê nhà ở, văn phòng;
- Mua bán hóa mỹ phẩm, văn phòng phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ, đồ nhựa, đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe cho trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội), đồ bảo hộ lao động, cravat, mũ, chăn màn, gối, ra trải giường, vali, túi xách, giày dép;
- Mua bán sản phẩm dệt – may, quần áo may sẵn;
- Mua bán phần mềm tin học, phần cứng máy tính;
- Sản xuất phần cứng máy tính;
- Cho thuê phương tiện vận tải đường bộ;
- Cho thuê máy móc, thiết bị, dụng cụ phục vụ sản xuất, chế biến ngành nông, lâm, thủy hải sản và thực phẩm;
- Gia công đóng gói bao bì: cà phê, trà;
- Sản xuất, chế biến nông, lâm sản;
- Mua bán cao su, nguyên phụ liệu sản phẩm dệt – may;
- Sản xuất các loại bánh từ bột;
- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:



CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 7 năm 2019
	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 17 tháng 7 năm 2019
Ông Phan Minh Hải	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 17 tháng 7 năm 2019
Ông David Ho	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2019
Ông Trương Văn Quang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2019
Ông Hồ Văn Trung	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2019
Ông Võ Thiên Chương	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2019
Ông Huỳnh Khánh Hiếu	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2019
Bà Nguyễn Minh Tâm	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2019

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Vũ Thị Minh Chiến	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2019
Bà Trần Thanh Hương	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2019
Bà Trương Thị Huỳnh Như	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2019
Bà Trần Thị Thu Hằng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2019

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Trương Văn Quang	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 7 năm 2019
	Phó Giám đốc điều hành	Miễn nhiệm ngày 17 tháng 7 năm 2019
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 17 tháng 7 năm 2019

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Nguyễn Minh Nguyệt – Chủ tịch Hội đồng quản trị (bổ nhiệm ngày 17 tháng 7 năm 2019).

Bà Nguyễn Minh Nguyệt đã ủy quyền cho Ông Trương Văn Quang – Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 theo Giấy ủy quyền số 018/19/UQ-TFC ngày 20 tháng 7 năm 2019.

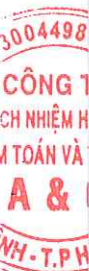
Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Chạy mặt Hội đồng quản trị,


Nguyễn Minh Nguyệt
Chủ tịch

Ngày 28 tháng 3 năm 2020

15-C.T.1.N.H
Y
DU HẠN
TƯ VẤN
C
CHÍ MINH

Head Office	: 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970	kttv@a-c.com.vn
Branch in Ha Noi	: 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869	kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang	: Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806	kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Can Tho	: 15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996	kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 1.0755/20/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Trang (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 27 tháng 3 năm 2020, từ trang 07 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Kết luận của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Trang tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính đó tại ngày 28 tháng 3 năm 2019.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Minh Trí - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0089-2018-008-1

Lương Anh Vũ - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1832-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		390.455.977.428	313.181.593.537
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	23.977.037.895	35.426.512.005
1. Tiền	111		23.977.037.895	35.426.512.005
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		29.736.402.041	26.665.850.646
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	29.736.402.041	26.665.850.646
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		260.471.423.550	171.961.425.129
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	229.787.329.449	159.943.115.348
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	584.913.000	3.653.891.868
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	10.700.000.000	1.500.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	19.399.181.101	6.864.417.913
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		67.245.760.825	73.689.894.813
1. Hàng tồn kho	141	V.7	67.245.760.825	73.689.894.813
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.025.353.117	5.437.910.944
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	2.663.270.771	2.427.374.843
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6.362.082.346	3.010.536.101
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kê toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		92.121.940.107	111.040.737.613
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		52.874.293.495	40.012.024.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	47.680.000.000	38.670.280.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	5.194.293.495	1.341.744.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		26.004.164.217	23.829.996.397
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	23.189.245.695	23.803.246.375
- Nguyên giá	222		76.731.511.852	75.157.783.911
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(53.542.266.157)	(51.354.537.536)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	2.806.701.853	-
- Nguyên giá	225		2.850.000.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(43.298.147)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	8.216.669	26.750.022
- Nguyên giá	228		360.430.800	348.830.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(352.214.131)	(322.080.778)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		18.186.288	1.266.848.289
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	18.186.288	1.266.848.289
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		8.641.772.129	42.139.287.554
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	15.000.000.000	54.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	27.000.000.000	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(33.358.227.871)	(11.860.712.446)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.583.523.978	3.792.581.373
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	4.583.523.978	3.792.581.373
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		482.577.917.535	424.222.331.150

15.0
 TY
 ƯU H
 TƯ V
 C
 Đ CH

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		271.228.377.383	211.922.654.520
I. Nợ ngắn hạn	310		269.155.794.051	209.806.379.340
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	40.231.183.929	31.276.525.991
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		269.581.538	16.516.136
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	4.286.294.280	2.771.239.507
4. Phải trả người lao động	314	V.15	9.676.823.000	7.566.033.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	4.133.577.604	4.076.229.555
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	727.428.005	1.085.201.177
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	209.830.905.695	163.014.633.974
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		2.072.583.332	2.116.275.180
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	2.072.583.332	2.116.275.180
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		211.349.540.152	212.299.676.630
I. Vốn chủ sở hữu	410		211.349.540.152	212.299.676.630
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.19	168.299.940.000	168.299.940.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		168.299.940.000	168.299.940.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.19	17.173.652.728	17.173.652.728
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.19	25.875.947.424	26.826.083.902
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		19.735.776.100	26.826.083.902
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		6.140.171.324	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		482.577.917.535	424.222.331.150



Nguyễn Thị Mỹ Nhung
Người lập



Lê Thị Tường Hạnh
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2020

Trương Văn Quang
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019


Đơn vị tính: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	514.471.648.454	458.937.050.660
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		234.853.920	3.327.955.038
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		514.236.794.534	455.609.095.622
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	429.253.195.466	379.613.453.389
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		84.983.599.068	75.995.642.233
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	7.872.888.826	6.107.966.950
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	32.393.192.602	13.837.845.628
Trong đó: chi phí lãi vay	23		8.918.089.845	6.316.052.930
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	11.853.176.382	14.290.186.587
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	34.282.541.787	32.997.913.560
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.327.577.123	20.977.663.408
11. Thu nhập khác	31		36.593.250	160.848.742
12. Chi phí khác	32	VI.7	2.635.614.043	621.678.971
13. Lợi nhuận khác	40		(2.599.020.793)	(460.830.229)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.728.556.329	20.516.833.179
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	5.189.385.005	4.067.554.740
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>6.539.171.324</u>	<u>16.449.278.439</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	-	-

N.03
C
TRÁCH
NHIỆM
A
HÀNH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2020




Nguyễn Thị Mỹ Nhung
Người lập


Lê Thị Tường Hạnh
Kế toán trưởng


Trương Văn Quang
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		11.728.556.329	20.516.833.179
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, V.10, V.11	4.596.695.428	4.784.721.012
- Các khoản dự phòng	03	V.2b	21.497.515.425	3.968.602.757
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3	(249.670.819)	270.881.618
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7	(5.557.658.526)	(3.913.518.544)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	8.918.089.845	6.316.052.930
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		40.933.527.682	31.943.572.952
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(70.203.016.140)	19.851.536.993
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		6.444.133.988	2.956.819.037
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		10.638.078.260	(16.999.724.035)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		263.503.756	(1.459.427.583)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.17, VI.4	(8.780.655.845)	(6.316.052.930)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(4.003.113.482)	(2.968.642.474)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(524.688.000)	(749.590.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(25.232.229.781)	26.258.491.960
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, V.11, V.12	(4.296.191.411)	(5.679.752.239)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.9, VI.7	300.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(39.507.271.395)	(21.786.607.393)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		18.227.000.000	11.228.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.6, VI.3	1.491.406.734	2.936.884.101
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(23.785.056.072)	(13.301.475.531)

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019


Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18	461.794.688.806	430.248.629.939
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(416.877.081.436)	(446.327.728.633)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.18	(1.062.416.668)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.17, V.19	(6.559.256.600)	(5.049.000.450)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<u><i>37.295.934.102</i></u>	<u><i>(21.128.099.144)</i></u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(11.721.351.751)	(8.171.082.715)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	35.426.512.005	43.746.760.159
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		271.877.641	(149.165.439)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>23.977.037.895</u>	<u>35.426.512.005</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2020




Nguyễn Thị Mỹ Nhung
Người lập


Lê Thị Tường Hạnh
Kế toán trưởng


Trương Văn Quang
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Trang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất, chế biến thủy, hải sản; Gia công, đóng gói bao bì: Cà phê, trà; Sản xuất các loại bánh từ bột; Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Lợi nhuận trong năm của Công ty sụt giảm so với năm trước chủ yếu là do năm nay Công ty trích lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư vào công ty con – Công ty TNHH Thực phẩm Dary do công ty này hoạt động kinh doanh bị lỗ.

6. Cấu trúc Công ty

Công ty con

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thực phẩm Dasumy có trụ sở chính tại Lô D4, Đường N1, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là bán buôn thực phẩm. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 75%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Công ty liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào công ty liên kết là Công ty TNHH Thực phẩm Dary có trụ sở chính tại Lô D4, Đường N1, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản. Tại ngày kết thúc năm, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 45%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 545 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 515 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
- Các giao dịch bằng ngoại tệ**
Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ năm các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức của kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa và tiền thuê đất. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (30 – 44 năm).

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 30
Máy móc và thiết bị	02 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	15

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ có chương trình phần mềm máy tính: Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 03 đến 07 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm như người sở hữu sản phẩm hoặc quyền kiểm soát sản phẩm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ có hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.



CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	32.909.393	193.259.887
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	23.944.128.502	35.233.252.118
Cộng	<u>23.977.037.895</u>	<u>35.426.512.005</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
Tiền gửi có kỳ hạn	29.736.402.041	29.736.402.041	26.665.850.646	26.665.850.646
Cộng	<u>29.736.402.041</u>	<u>29.736.402.041</u>	<u>26.665.850.646</u>	<u>26.665.850.646</u>

Toàn bộ khoản tiền gửi có kỳ hạn đã được dùng thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 6 và Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.18).

2b. Đầu tư vào đơn vị khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Đầu tư vào công ty con	15.000.000.000	(14.170.763.411)	54.000.000.000	(11.860.712.446)
Công ty TNHH Thực phẩm Dary ⁽ⁱ⁾	-	-	39.000.000.000	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thực phẩm Dasumy ⁽ⁱⁱ⁾	15.000.000.000	(14.170.763.411)	15.000.000.000	(11.860.712.446)
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	27.000.000.000	(19.187.464.460)	-	-
Công ty TNHH Thực phẩm Dary ⁽ⁱ⁾	27.000.000.000	(19.187.464.460)	-	-
Cộng	<u>42.000.000.000</u>	<u>(33.358.227.871)</u>	<u>54.000.000.000</u>	<u>(11.860.712.446)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (i) Trong năm công ty đã bán 20% vốn điều lệ của Công ty TNHH Thực phẩm Dary. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 45% vốn điều lệ của Công ty TNHH Thực phẩm Dary nên khoản đầu tư được chuyển sang trình bày ở khoản đầu tư vào công ty liên kết.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313053112 ngày 16 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thực phẩm Dasumy 15.000.000.000 VND, tương đương 75% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ 15.000.000.000 VND.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên kết

Các công ty con, công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bị lỗ.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Năm này</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	11.860.712.446	7.892.109.689
Trích lập dự phòng bổ sung	21.497.515.425	3.968.602.757
Số cuối năm	<u>33.358.227.871</u>	<u>11.860.712.446</u>

Giao dịch với công ty con, công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với công ty con, công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Thực phẩm Dary		
Cung cấp dịch vụ gia công	699.816.000	-
Hàng bán bị trả lại	-	-
Thuê dịch vụ gia công	18.773.663.237	15.441.961.909
Thuê dịch vụ lưu kho, bốc xếp	4.155.309.962	4.539.782.488
Mua nguyên vật liệu	27.980.858.480	62.700.705.358
Mua tài sản cố định	-	3.278.127.000
Cho vay	31.650.987.000	14.000.280.000
Lãi cho vay	4.101.482.000	1.885.009.332
Cho mượn tiền	-	2.580.350.000
Bán nguyên liệu	46.720.000	-

Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ

Thực phẩm Dasumy

Bán thành phẩm	3.438.937.226	3.639.250.916
Cung cấp dịch vụ gia công	56.274.700	-
Mua nguyên vật liệu	317.475.373	216.110.355
Cho vay	400.000.000	1.400.000.000
Lãi cho vay	44.407.667	40.834.400
Hàng bán trả lại	238.197.600	-

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	<u>8.688.353.780</u>	<u>9.044.638.921</u>
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thực phẩm Dasumy	8.638.581.780	6.846.101.432
Công ty TNHH Thực phẩm Dary	49.772.000	2.198.537.489

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>221.098.975.669</i>	<i>150.898.476.427</i>
Trangs Group USA Incorporated	54.951.271.581	46.023.101.128
Trangs Food Pty Ltd	33.811.020.497	25.925.857.722
Trangs UK Limited	109.314.805.250	57.349.589.718
Trangs Europe Sas	10.215.852.108	16.501.094.982
Các khách hàng khác	12.806.026.233	5.098.832.877
Cộng	<u>229.787.329.449</u>	<u>159.943.115.348</u>

Khoản phải thu khách hàng có giá trị tối thiểu tương đương 110% tổng các nghĩa vụ theo hợp đồng vay số FCA – 000466-2018 ngày 27 tháng 6 năm 2018 đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.18).

Toàn bộ quyền phát sinh thuộc sở hữu của Công ty từ hợp đồng xuất khẩu cho các khách hàng Woolworths International và Trangs Food Pty Ltd đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.18).

Một phần quyền phát sinh thuộc sở hữu của Công ty từ hợp đồng xuất khẩu cho các khách hàng Toyota Tsusho Foods Corporation và Trang UK Limited đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 6 (xem thuyết minh số V.18).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ông Lê Ngọc Công	-	1.684.985.000
Ông Hồ Xuân Bảo	-	1.000.000.000
Ông Trần Quang Phú	80.000.000	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Hải Lê	68.750.000	-
Công ty TNHH Cơ khí Quỳnh Quân	237.600.000	-
Các nhà cung cấp khác	198.563.000	968.906.868
Cộng	<u>584.913.000</u>	<u>3.653.891.868</u>

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn/dài hạn

5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Cho các bên liên quan vay</i>	<i>10.700.000.000</i>	<i>1.400.000.000</i>
Cho Công ty TNHH Thực phẩm Dary vay với lãi suất 12%/năm	10.500.000.000	-
Cho Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thực phẩm Dasumy vay với lãi suất 7,5%/năm	200.000.000	400.000.000
Cho Bà Nguyễn Thị Thu Hiếu vay với lãi suất 7,5%/năm	-	1.100.000.000
Cộng	<u>10.700.000.000</u>	<u>1.500.000.000</u>

5b. Phải thu về cho vay dài hạn

Khoản cho Công ty TNHH Thực phẩm Dary là bên liên quan vay với lãi suất 8%/năm, thời hạn vay 02 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu bên liên quan</i>	<i>12.578.323.667</i>	-	<i>6.875.000</i>	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thực phẩm Dasumy - Lãi cho vay	5.292.667	-	6.875.000	-
Công ty TNHH Thực phẩm Dary - Lãi cho vay	573.031.000	-	-	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hiếu – Phải thu tiền chuyển nhượng vốn góp Công ty TNHH Thực phẩm Dary	12.000.000.000	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>6.820.857.434</i>	-	<i>6.857.542.913</i>	-
Ông Hồ Xuân Bảo	-	-	4.975.507.000	-
Tạm ứng	921.700.000	-	1.610.200.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	5.899.157.434	-	271.835.913	-
Cộng	19.399.181.101	-	6.864.417.913	-

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu bên liên quan</i>	<i>4.708.796.614</i>	-	<i>1.180.345.614</i>	-
Công ty TNHH Thực phẩm Dary - Lãi cho vay	4.708.796.614	-	1.180.345.614	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>485.496.881</i>	-	<i>161.398.386</i>	-
Các khoản phải thu dài hạn khác	485.496.881	-	161.398.386	-
Cộng	5.194.293.495	-	1.341.744.000	-

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	50.679.508.331	-	63.902.738.133	-
Công cụ, dụng cụ	1.089.695.241	-	890.651.970	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.150.797.594	-	3.968.967.539	-
Thành phẩm	10.278.229.477	-	4.204.811.638	-
Hàng hóa	47.530.182	-	2.579.940	-
Hàng gửi đi bán	-	-	720.145.593	-
Cộng	67.245.760.825	-	73.689.894.813	-

Toàn bộ hàng tồn kho đã được dùng thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 6, Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh An Phú (xem thuyết minh số V.18).



CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	1.129.829.515	431.129.888
Chi phí sửa chữa	453.665.173	724.515.276
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.079.776.083	1.271.729.679
Cộng	2.663.270.771	2.427.374.843

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	662.434.100	528.104.759
Chi phí sửa chữa	257.457.461	715.496.714
Tiền thuê đất	3.610.433.122	2.447.343.429
Các chi phí trả trước dài hạn khác	53.199.295	101.636.471
Cộng	4.583.523.978	3.792.581.373

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	14.625.381.839	53.326.542.896	5.783.401.257	1.422.457.919	75.157.783.911
Mua trong năm	-	2.929.374.760	1.280.354.545	33.181.818	4.242.911.123
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.669.183.182)	-	(2.669.183.182)
Số cuối năm	14.625.381.839	56.255.917.656	4.394.572.620	1.455.639.737	76.731.511.852
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.809.213.442	22.637.201.026	301.563.530	1.182.807.507	25.930.785.505
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	7.460.741.001	38.019.778.314	4.588.975.347	1.285.042.874	51.354.537.536
Khấu hao trong năm	597.193.900	3.224.346.278	650.004.784	51.718.965	4.523.263.928
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.335.535.307)	-	(2.335.535.307)
Số cuối năm	8.057.934.901	41.244.124.592	2.903.444.824	1.336.761.839	53.542.266.157
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	7.164.640.838	15.306.764.582	1.194.425.910	137.415.045	23.803.246.375
Số cuối năm	6.567.446.938	15.011.793.064	1.491.127.796	118.877.898	23.189.245.695
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 6.330.298.821 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 6 (xem thuyết minh số V.18).

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định thuê tài chính là máy móc thiết bị, chi tiết như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	-	-	-
Thuê tài chính trong năm	2.850.000.000	-	2.850.000.000
Khấu hao trong năm	-	43.298.147	(43.298.147)
Số cuối năm	2.850.000.000	43.298.147	2.806.701.853

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính, chi tiết như sau:

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	348.830.800	322.080.778	26.750.022
Nâng cấp trong năm	11.600.000		
Khấu hao trong năm		30.133.353	
Số cuối năm	360.430.800	352.214.131	8.216.669
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	312.290.800	-	-
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là tiền thuê đất mở rộng nhà xưởng, chi tiết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.266.848.289	986.019.901
Chi phí phát sinh trong năm	41.680.288	4.221.200.679
Kết chuyển vào tài sản cố định	-	(3.748.032.291)
Kết chuyển giảm khác	(1.290.342.289)	(192.340.000)
Số cuối năm	18.186.288	1.266.848.289

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>2.898.309.663</i>	<i>5.115.081.926</i>
Công ty TNHH Thực phẩm Dary	2.898.309.663	5.103.703.528
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thực phẩm Dasumy	-	11.378.398
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>37.332.874.266</i>	<i>26.161.444.065</i>
Cộng	40.231.183.929	31.276.525.991

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	21.141.604	(21.141.604)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	70.764.519	(70.764.519)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.685.713.357	5.189.385.005	(4.003.113.482)	3.871.984.880
Thuế thu nhập cá nhân	85.526.150	1.603.977.312	(1.275.194.062)	414.309.400
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	9.180.000	(9.180.000)	-
Cộng	2.771.239.507	6.897.448.440	(5.382.393.667)	4.286.294.280

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ và Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính, Công ty được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 15% đối với thu nhập từ chế biến thủy sản.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.728.556.329	20.516.833.179
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	19.446.686.152	2.475.875.259
- Các khoản điều chỉnh giảm	<u>(1.023.054.943)</u>	<u>(126.193.492)</u>
Thu nhập chịu thuế	30.152.187.538	22.866.514.946
Trong đó:		
- Thu nhập chịu thuế áp dụng thuế suất 15%	24.689.052.550	21.053.692.641
- Thu nhập chịu thuế áp dụng thuế suất 20%	<u>5.463.134.988</u>	<u>1.812.822.305</u>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>	<i>6.030.437.508</i>	<i>4.573.302.989</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</i>	<i>(1.234.452.628)</i>	<i>(1.052.684.632)</i>
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	<i>393.400.125</i>	<i>546.936.383</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	<u>5.189.385.005</u>	<u>4.067.554.740</u>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi Cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. **Phải trả người lao động**
Tiền lương còn phải trả người lao động.

16. **Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí hoa hồng bán hàng phải trả	4.071.076.882	4.071.038.156
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	<u>62.500.722</u>	<u>5.191.399</u>
Cộng	<u>4.133.577.604</u>	<u>4.076.229.555</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>137.434.000</i>	-
Các thành viên Hội đồng quản trị - Chi phí lãi vay phải trả	137.434.000	-
<i>Phải trả các các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>589.994.005</i>	<i>1.085.201.177</i>
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn	285.134.290	1.018.944.639
Cổ tức phải trả	172.741.000	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	132.118.715	66.256.538
Cộng	<u>727.428.005</u>	<u>1.085.201.177</u>

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

18a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả bên liên quan</i>	<i>14.000.000.000</i>	-
Vay Bà Nguyễn Minh Nguyệt ⁽ⁱ⁾	14.000.000.000	-
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>195.830.905.695</i>	<i>163.014.633.974</i>
Vay ngắn hạn ngân hàng	194.342.622.515	162.514.633.974
Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 6 ⁽ⁱⁱ⁾	64.564.356.279	54.364.815.398
Vay Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	55.424.489.522	51.294.545.250
Vay Ngân hàng BPCE IOM - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(iv)	22.953.631.770	27.533.595.113
Vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú ^(v)	41.915.471.544	29.321.678.213
Vay Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh ^(vi)	9.484.673.400	-
Vay ngắn hạn cá nhân	-	500.000.000
Vay Bà Trần Thị Kim Loan	-	500.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)	756.783.172	-
Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	756.783.172	-
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh V.18b)	731.500.008	-
Công ty Cho thuê tài chính TNHH Quốc tế Chailease	731.500.008	-
Cộng	<u>209.830.905.695</u>	<u>163.014.633.974</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- ⁽ⁱ⁾ Vay không có tài sản đảm bảo Bà Nguyễn Minh Nguyệt để bổ sung nguồn vốn kinh doanh với lãi suất 12%/năm, thời hạn vay 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 6 để bổ sung nguồn vốn kinh doanh, hạn mức vay 70.000.000.000 VND với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay không quá 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài khoản tiền tiết kiệm (xem thuyết minh số V.2a), tài sản cố định (xem thuyết minh số V.9), hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.7) và một phần quyền phát sinh thuộc sở hữu của Công ty từ hợp đồng xuất khẩu cho các khách hàng Toyota Tsusho Foods Corporation và Trang UK Limited (xem thuyết minh số V.3).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung nguồn vốn kinh doanh và bảo lãnh các loại, hạn mức vay 57.000.000.000 VND và 500.000,00 USD với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định (xem thuyết minh số V.9), hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.7) và toàn bộ quyền phát sinh thuộc sở hữu của Công ty từ hợp đồng xuất khẩu cho các khách hàng Woolworths International và Trangs Food Pty Ltd (xem thuyết minh số V.3).
- (iv) Khoản vay Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung nguồn vốn kinh doanh, hạn mức vay 1.500.000,00 USD với lãi suất là chi phí vốn của Ngân hàng + 2,5%/năm, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.7) và khoản phải thu khách hàng có giá trị tối thiểu tương đương 110% tổng các nghĩa vụ theo hợp đồng vay số FCA – 000466-2018 ngày 27 tháng 6 năm 2018 (xem thuyết minh số V.3).
- (v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú để bổ sung nguồn vốn kinh doanh, hạn mức vay 3.000.000,00 USD với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay không quá 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2a) và hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.7).
- (vi) Khoản vay Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh để bổ sung nguồn vốn kinh doanh, hạn mức vay 10.000.000.000 VND với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2a).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Giảm khác (*)	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	162.514.633.974	446.994.688.806	-	(414.949.089.436)	(217.610.829)	194.342.622.515
Vay ngắn hạn các cá nhân	500.000.000	14.000.000.000	-	(500.000.000)	-	14.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	756.783.172	-	-	756.783.172
Nợ thuế tài chính đến hạn trả	-	-	731.500.008	-	-	731.500.008
Cộng	163.014.633.974	460.994.688.806	1.488.283.180	(415.449.089.436)	(217.610.829)	209.830.905.695

- (*) Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư của các khoản vay có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	731.500.008	2.116.275.180
Nợ thuê tài chính Công ty Cho thuê tài chính TNHH Quốc tế Chailease để mua máy móc thiết bị ⁽ⁱⁱ⁾	1.341.083.324	-
Cộng	2.072.583.332	2.116.275.180

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để đầu tư máy móc thiết bị, sửa chữa nhà xưởng, văn phòng, hạn mức vay 9.000.000.000 VND với lãi suất theo từng kế ước nhận nợ, thời hạn vay 60 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định (xem thuyết minh số V.9), hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.7) và toàn bộ quyền phát sinh thuộc sở hữu của Công ty từ hợp đồng xuất khẩu cho các khách hàng Woolworths International và Trangs Food Pty Ltd (xem thuyết minh số V.3).

Khoản vay Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để mua xe phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, hạn mức vay 800.000.000 VND với lãi suất theo từng kế ước nhận nợ, thời hạn vay 60 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp xe ô tô con, nhãn hiệu Kia (Xem thuyết minh V.10).

(ii) Công ty thuê tài chính Công ty TNHH MTV Quốc tế Chailease theo các Hợp đồng thuê tài chính như sau:

- Hợp đồng thuê tài chính số B190730202 ngày 31 tháng 7 năm 2019, lãi suất 9,1%/năm, thời hạn thuê 3 năm.
- Hợp đồng thuê tài chính số B190727302 ngày 31 tháng 7 năm 2019, lãi suất 9,1%/năm, thời hạn thuê 3 năm.

Công ty có khả năng trả được khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm
Số cuối năm				
Vay dài hạn ngân hàng	1.488.283.180	756.783.172	731.500.008	-
Nợ thuê tài chính	2.072.583.332	731.500.008	1.341.083.324	-
Cộng	3.560.866.512	1.488.283.180	2.072.583.332	-
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	2.116.275.180	-	2.116.275.180	-
Cộng	2.116.275.180	-	2.116.275.180	-

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển sang vay ngắn hạn	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	2.116.275.180	800.000.000	(1.427.992.000)	(756.783.172)	731.500.008
Nợ thuê tài chính	-	3.135.000.000	(1.062.416.668)	(731.500.008)	1.341.083.324
Cộng	2.116.275.180	3.935.000.000	(2.490.408.668)	(1.488.283.180)	2.072.583.332

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

19. Vốn chủ sở hữu

19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	168.299.940.000	17.173.652.728	16.006.139.082	201.479.731.810
Lợi nhuận trong năm	-	-	16.449.278.438	16.449.278.438
Trích lập các quỹ	-	-	(166.443.168)	(166.443.168)
Trích thù lao hội đồng quản trị	-	-	(413.890.000)	(413.890.000)
Chia cổ tức	-	-	(5.049.000.450)	(5.049.000.450)
Số dư cuối năm trước	<u>168.299.940.000</u>	<u>17.173.652.728</u>	<u>26.826.083.902</u>	<u>212.299.676.630</u>
Số dư đầu năm nay	168.299.940.000	17.173.652.728	26.826.083.902	212.299.676.630
Lợi nhuận trong năm	-	-	6.539.171.324	6.539.171.324
Trích lập các quỹ	-	-	(358.310.202)	(358.310.202)
Trích thù lao Hội đồng quản trị	-	-	(399.000.000)	(399.000.000)
Chi cổ tức	-	-	(6.731.997.600)	(6.731.997.600)
Số dư cuối năm nay	<u>168.299.940.000</u>	<u>17.173.652.728</u>	<u>25.875.947.424</u>	<u>211.349.540.152</u>

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông David Ho	38.600.000.000	38.600.000.000
Ông Hồ Văn Trung	28.874.000.000	28.874.000.000
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	28.086.000.000	28.086.000.000
Bà Susan Ho	10.000.000.000	10.000.000.000
Các cổ đông khác	62.739.940.000	62.739.940.000
Cộng	<u>168.299.940.000</u>	<u>168.299.940.000</u>

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)	Vốn điều lệ còn phải góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)		
Ông David Ho	38.600.000.000	22,94	38.600.000.000	-
Ông Hồ Văn Trung	28.874.000.000	17,16	28.874.000.000	-
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	28.086.000.000	16,69	28.086.000.000	-
Bà Susan Ho	10.000.000.000	5,94	10.000.000.000	-
Các cổ đông khác	62.739.940.000	37,27	62.739.940.000	-
Cộng	<u>168.299.940.000</u>	<u>100,00</u>	<u>168.299.940.000</u>	-

19c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.829.994	16.829.994
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	16.829.994	16.829.994
- Cổ phiếu phổ thông	16.829.994	16.829.994
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.829.994	16.829.994
- Cổ phiếu phổ thông	16.829.994	16.829.994
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ/TFC ngày 10 tháng 7 năm 2019 với số tiền là 358.310.173 VND và chia cổ tức cho cổ đông theo Nghị quyết Hội đồng quản trị năm 2019 số 09/19/NQ/HĐQT/TFC ngày 28 tháng 11 năm 2019 với số tiền là 6.731.997.600 VND.

Ngoài ra, Công ty cũng đã trích thù lao của Hội đồng quản trị năm 2019 từ lợi nhuận sau thuế năm 2019 với số tiền là 399.000.000 VND.

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán *Ngoại tệ các loại*

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	809.804,57	1.478.653,82
Bảng Anh (GBP)	108,34	108,34
Euro (EUR)	4,89	4,89

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán thành phẩm	513.450.426.167	457.896.315.724
Doanh thu khác	1.021.222.287	1.040.734.936
Cộng	514.471.648.454	458.937.050.660

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty con, công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên kết.

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn của thành phẩm đã bán.

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	1.204.198.339	1.909.299.412
Lãi tiền cho vay	4.387.108.062	2.004.219.132
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.031.911.606	2.194.448.406
Lãi CLTG do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	249.670.819	-
Cộng	7.872.888.826	6.107.966.950

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	8.918.089.845	6.316.052.930
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.977.587.332	3.282.308.323
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	270.881.618
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	21.497.515.425	3.968.602.757
Cộng	<u>32.393.192.602</u>	<u>13.837.845.628</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	1.357.583.967	1.395.208.554
Chi phí vật liệu, bao bì	1.040.885.713	1.077.970.417
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	71.597.091	1.765.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	61.282.836	39.948.324
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.015.587.597	5.722.974.604
Chi phí xuất khẩu hàng hóa	2.473.033.383	948.082.036
Các chi phí khác	1.833.205.795	5.104.237.652
Cộng	<u>11.853.176.382</u>	<u>14.290.186.587</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	22.074.067.176	20.869.082.218
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.298.976.856	235.070.090
Chi phí khấu hao tài sản cố định	601.458.509	707.708.930
Thuế, phí và lệ phí	655.291.716	496.752.566
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.355.573.302	2.797.633.287
Các chi phí khác	7.297.174.228	7.891.666.469
Cộng	<u>34.282.541.787</u>	<u>32.997.913.560</u>

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗ thanh lý tài sản cố định	33.647.875	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	55.091.667	132.220.000
Thuế bị phạt, bị truy thu	255.328.179	459.463.847
Các chi phí khác	2.291.546.322	29.995.124
Cộng	<u>2.635.614.043</u>	<u>621.678.971</u>

8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	349.000.902.399	302.557.421.938
Chi phí nhân công	94.498.991.085	79.711.114.667
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.596.695.428	4.784.721.012
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.792.766.357	22.546.039.752
Chi phí khác	11.858.535.911	16.080.678.696
Cộng	<u>484.747.891.179</u>	<u>425.679.976.066</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt và cá nhân có liên quan:

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và chỉ phát sinh các giao dịch sau với các thành viên Hội đồng quản trị và cá nhân có liên quan:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Đi vay	14.000.000.000	-
Chi phí lãi vay	1.012.668.000	-
Tiền chuyển nhượng vốn	12.000.000.000	

Việc mua dịch vụ từ các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.5a, V.6a, V.17 và V.18.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt bao gồm lương và thù lao với tổng chi phí trong năm là 4.765.627.000 VND (năm trước là 4.858.769.807 VND).

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Thực phẩm Dary	Công ty liên kết
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thực phẩm Dasumy	Công ty con

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty con, công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.6 và V.13.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.



CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực chế biến, xuất khẩu và kinh doanh mặt hàng tôm, đồng thời doanh thu chủ yếu của Công ty là từ xuất khẩu tôm chế biến. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, không có sự khác biệt đáng kể về rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý. Do đó, Công ty không trình bày Báo cáo theo bộ phận.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2020



A handwritten signature in blue ink.

Nguyễn Thị Mỹ Nhung
Người lập

A handwritten signature in blue ink.

Lê Thị Tường Hạnh
Kế toán trưởng

Trương Văn Quang
Tổng Giám đốc





XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Minh Nguyệt